

Phẩm 6: MINH NẠN

Có năm môn phân biệt:

- A. Ý đưa ra.
- B. Giải thích tên gọi.
- C. Phân tích.
- D. Tông thú.
- E. Giải thích văn kinh.

A. Ý đưa ra có hai: Một, đưa ra Phần vị, là bởi vì trước đây trình bày về pháp mà quả đã dựa vào, nay phân rõ về dựa vào quả mà thành tựu nhân hạnh; hai, đưa ra Phẩm là trong hạnh đã thành tựu, phương tiện trước phần vị thì Tín-Hạnh làm đầu tiên, trong Tín có Giải-Hạnh và đức, trình bày về điều khó hiểu để phân rõ về Giải, vì ở đầu tiên cho nên đưa ra.

B. GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Bồ-tát là người, trình bày về điều khó hiểu là pháp, chọn lấy pháp của quả khác vốn là Y chủ thích. Minh Nạn có bốn nghĩa:

1) Dựa theo tâm cảnh, Nạn là Chân-Tục ẩn kín sâu xa, Minh là diệu trí chiếu rọi rõ ràng.

2) Dựa theo giáo nghĩa, Nạn là mười nghĩa rất sâu xa, Minh là lập đi lập lại để hiển bày thông suốt.

3) Dựa theo luận đạo, Nạn là hỏi, Minh là đáp, bởi vì gồm chung hỏi-đáp cho nên gọi là Minh Nạn. Vì sao? Bởi vì chỉ nêu ra pháp thẳng thắn để bàn luận là hỏi, vạn hỏi không đúng lý là Nạn; tùy theo câu hỏi thẳng thắn trình bày là đáp, giải thích tường tận hiển bày rõ ràng là Minh.

4) Phân ra chủ khách, dựa theo khách thì trong trường hàng trình bày giả thiết đối với Nạn, dựa theo chủ thì trong kệ trình bày giải thích đối với Nạn, cho nên gọi là Minh Nạn.

C. PHÂN TÍCH: Ngay trong nhân này, hoặc phân làm hai: Một, kê sát phần vị, đó là từ phẩm này xuống đến phẩm Hồi Hương; hai, chứng được phần vị, đó là từ phẩm Thập Địa trở xuống chứng được phần vị. Hoặc phân làm ba: Một, ba phẩm đầu là phương tiện trước phần vị; hai, từ phẩm Thăng Thiên trở xuống là 13 phẩm trình bày về Chánh vị của Tam Hiền; ba, từ phẩm Thập Địa trở xuống là sáu phẩm trình bày về Chân vị của Thập Thánh. Hoặc phân làm bốn: Một, từ đây đến hết Hội thứ ba là mười Giải, bởi vì Tín là phương tiện trú cho nên không có Chánh vị, thâm nhiếp thuộc về trong Thập Trú; hai, Hội thứ tư

là Thập Hạnh; ba, Hội thứ năm là Thập Hồi Hương; bốn, Hội thứ sáu là Thập Địa... Hoặc phân làm năm, bởi vì tách ra Tín khác với Trú. Lại chỉ nói phần nghĩa, hoặc phân làm ba: Một, ba phẩm đầu trình bày về bắt đầu khởi lên ở thời quá khứ; hai, từ phẩm Thăng Thiên trở xuống trình bày về khéo léo tu tập ở thời hiện tại; ba, phẩm Bất Tư Nghị Pháp... trình bày cuối cùng hiển hiện ở thời vị lai. Hoặc phân làm bốn: Một, người chưa tin thì khiến cho tin; hai, từ Hội thứ ba trở xuống là đã tin thì khiến cho tiến vào, đó là Giải-Hạnh; ba, từ phẩm Thập Địa trở xuống là đã tiến vào thì khiến cho thuần thực; bốn, từ phẩm Bất Tư Nghị trở xuống là đã thuần thực thì khiến cho giải thoát.

D. TÔNG THỨ có hai: Đầu là nối thông, sau là riêng biệt. Nói thông là luận đến ba phẩm này trình bày về pháp hành của Thập Tín, trong đó đưa ra tám môn: 1) Giải thích tên gọi; 2) Đưa ra Thể; 3) Phát tâm; 4) Xác định phần vị; 5) Hành tướng; 6) Trừ chướng; 7) Tiến lùi; 8) Đức dụng.

Môn thứ ba là phát tâm, nghĩa là bắt đầu từ có đủ phiền não (cụ phược) không biết đến những tên gọi như Tam Bảo..., lần đầu khởi lên một niệm như Tín... Đây là dựa theo Thỉ giáo, như kinh Bốn Nghiệp nói v.v...; Chung giáo như phần tín tâm tu hành trong Khởi Tín luận v.v... Viên giáo như đầu phẩm Hiền Thủ v.v... Bởi vì Tiểu thừa không phải là phần vị này cho nên không dựa theo để nói. Đốn giáo không có phần vị cho nên cũng không nói v.v... Cũng có thể Tiểu thừa cũng có nghĩa của Sơ Tín, như Tiểu luận v.v...; trong Đốn giáo cũng có Tín v.v...

Môn thứ tư là xác định phần vị, pháp của Thập Tín này ở trong Thỉ giáo thì chính mình là phần vị, như Lương Nhiếp Luận nói: “Như bốn phần vị trước đạo Tu-đà-hoàn, đó là Noãn-Đảnh...; bốn phần vị trước địa Bồ-tát cũng như vậy, đó là Thập Tín-Thập Giải-Thập Hạnh-Thập Hồi Hương.”

Lại trong luận ấy và luận Phật Tánh... đều nói: Địa tiền tu bốn hạnh, đó là Thập Tín tu hạnh tin tưởng vui với Đại thừa, hạnh Bát-nhã của Thập Giải, hạnh Tam-muội của Thập Hạnh, hạnh Đại Bi của Thập Hồi Hương. Lại bởi vì trừ diệt Chánh sử của bốn lớp chướng ngại: 1) Trừ diệt chướng ngại về không tin của Xiển-đề; 2) Trừ diệt chướng ngại về Ngã chấp của ngoại đạo; 3) Trừ diệt chướng ngại về sợ hãi khổ đau của Thanh văn; 4) Trừ diệt chướng ngại về rời bỏ Đại Bi của Độc giác. Và lại, Tín trở thành chủng tử của nhân thuộc Tịnh đức, Giải trở thành chủng tử của nhân thuộc Ngã đức, Hạnh trở thành chủng tử của nhân thuộc Lạc đức, Hồi hương trở thành chủng tử của nhân thuộc Thường

đức.

Lại trong kinh Nhân Vương dựa vào báo của bốn Luân Vương, đó là Thiết-Đông-Ngân-Kim. Bởi vì giáo nghĩa này cho nên biết Thập Tín cũng là phần vị. Nếu dựa theo Chung giáo thì Tín này chỉ là phương tiện của phần vị Thập Trú, bởi vì tự mình không có phần vị riêng biệt.

Trong kinh Bốn Nghiệp nói: “Chưa lên Trú tiền có tên gọi của mười tâm này: 1) Tín tâm; 2) Niệm tâm; 3) Tinh tiến tâm; 4) Tuệ tâm; 5) Định tâm; 6) Bất thối tâm; 7) Hồi hướng tâm; 8) Hộ tâm; 9) Giới tâm; 10) Nguyện tâm. Tu tâm này tăng thêm một kiếp-hai kiếp-ba kiếp mới có thể tiến vào trong Trú thứ nhất. Mỗi một tâm có mười tăng thêm thành ra 100 pháp minh môn, gọi là tiến vào trong chủng tánh của Tập.” Vì vậy biết không có phần vị mà chỉ là hành thuộc phương tiện. Lại dựa theo văn như sáu Chủng tánh-sáu Nhẫn-sáu Tuệ..., cho nên cũng là thành tựu về Chứng.

Lại trong kinh Nhân Vương chỉ nói đến ba Hiền-mười Thánh chứ không nói đến bốn. Lại trong kinh này bốn phần vị sau đều có nhập Định, xuất Định rồi nêu ra 10 tên gọi để phân rõ về 10 nghĩa..., chỉ riêng trong Tín thì không có điều này, cho nên có thể biết. Lại trong kinh Bốn Nghiệp chỉ có 42 Hiền Thánh chứ không nói là 52, cho nên có thể biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao kinh Nhân Vương nói Thập Tín là phần vị chủng tánh, vẫn chỉ thiết lập phần vị Tam Hiền?

Đáp: Bởi vì ở đây có thâm nhiếp lẫn nhau cho nên như vậy. Vì sao? Bởi vì nghĩa dựa theo có bốn câu: 1) Bởi vì phần vị vốn có thâm nhiếp phương tiện cho nên chỉ có Tam Hiền, thì ẩn đi tên gọi của Tín chỉ luận đến phần vị của Trú, văn dẫn chứng có thể biết. 2) Bởi vì phương tiện thâm nhiếp phần vị vốn có cho nên ngay nơi Thập Trú gọi là Thập Tín, ẩn đi tên gọi Thập Trú, do đó kinh Nhân Vương nói: “10 Tín-10 Chỉ-10 Kiên tâm.” Thì không luận đến Thập Trú mà chỉ gọi là Thập Tín. 3) Bởi vì đưa ra phương tiện khác với phần vị vốn có, thì như Trú tiền có mười tâm này làm phương tiện... 4) Ở nơi phương tiện mượn nói là Chánh vị, như Thử giáo trước đây; nếu dựa theo Viên giáo thì có hai nghĩa; nếu dựa vào tự pháp của Phổ Hiền thì tất cả đều không có phần vị. Nếu dựa theo pháp nương nhờ thì giống như Chung giáo, nhưng Tín đầy đủ tiến vào phạm vi của phần vị, thâm nhiếp bao gồm tất cả các phần vị sau đều thuộc về trong này, không có gì không đầy đủ, bởi vì đây là dựa theo hành thâm nhiếp phần vị.

Hỏi: Tín đã thật sự không có Chánh vị, vì sao Thử giáo nói là phần

vi?

Đáp: Bởi vì Thủ giáo là cơ thô thiển-trí cạn cợt, hành-vị không phân biệt, giống như Tiểu thừa giáo cho nên nói là bốn phần vị; Chung giáo cơ vi tế-trí sâu xa, cho nên có thể thật sự phân ra sai khác.

Môn thứ năm là hành tướng, nếu Thủ giáo thì thực hành mười tám hành như Tín...; nếu theo Chung giáo thì như năm môn tu hành-bốn loại tín tâm... trong Khởi Tín luận. Nếu Viên giáo thì như ba phẩm này đã nói...

Môn thứ sáu là trừ chướng, Thủ giáo thì như trước trừ diệt chướng ngại về không tin của Xiển-đề, Chung giáo thì như luận điều phục sâu xa phiền não...; nếu Viên giáo thì như văn diệt trừ toàn bộ trăm chướng..., đều là diệt lúc tâm đầy đủ.

Môn thứ bảy là tiến lùi, tu Tín chưa đủ một vạn kiếp, về sau tất cả đều lui sụt, bởi vì là tụ Bất định. Theo kinh Bốn Nghiệp như mây lông thuận theo gió... Giả sử thứ sáu có tâm không lui sụt, thì chỉ là dấy lên tâm không lui sụt này, bởi vì không phải là phần vị, chưa có thể không lui sụt. Cũng có người giải thích lấy điều này làm nghĩa về không lui sụt của Tín, sợ rằng không thích hợp, bởi vì trong kinh nói như mây lông, cho nên không có phần vị; luận nói tu Tín chưa trải qua một vạn kiếp cho nên đều có lui sụt. Nếu đến một vạn kiếp thì Tín đã đầy đủ, cho nên không phải là thứ sáu. Nếu dựa vào Thủ giáo thì bởi vì tùy theo tướng thô thiển mà nói Tín là phần vị, vì vậy nay sau Tam Hiền cũng tùy theo tướng thô thiển mà nói, cho nên đến mười Hồi Hương trở lên mới có thể không lui sụt, như Phật Tánh luận quyển thứ nhất nói.

Hỏi: Trong luận ấy là thuật về Sư Tát-bà-đa nói, lẽ nào là Đại thừa hay sao?

Đáp: Tuy là Tát-bà-đa nói, nhưng không phải là tông ấy, bởi vì nói có tên gọi phần vị của mười Hồi Hương, Tiểu thừa không có phần vị này. Nếu trong Chung giáo thì Tín đầy đủ tiến vào phần vị là không lui sụt, như Tín thành tựu phát tâm không lui sụt trong Khởi Tín luận, và Tín thanh tịnh-tâm sâu xa... ở văn sau trong này, bởi vì Viên giống như Chung, cho nên tiến vào phần vị trở về sau mới nói là Tín không lui sụt. Bởi vì nhân thuận theo quả tương xứng, cho nên như Tín-Nhẫn...

Môn thứ tám là đức dụng, trong Thủ giáo trở thành nhân thuộc Tịnh đức, và đạt được báo của Thiết Luân Vương cũng có thể tiến vào Thập Giải... Chung giáo có thể thành tựu phần vị Thập Trú rồi thì có thể thấy được phần ít Pháp thân Phật, hiện bày những sự việc như tám tướng thành đạo... Trong Viên giáo thì bao gồm thành tựu các phần vị

sau, nếu dựa theo nhân thì đạt được ba nghiệp Phổ Hiền rộng khắp pháp giới, dựa theo quả thì thành Đẳng Chánh Giác khắp vô số thế giới, như phẩm Hiền Thủ nói.

Sau là trình bày về Tông của Phẩm, dùng mười nghĩa thậm thâm làm Tông, thành tựu Giải-Hạnh trong Tín là Thú.

E. GIẢI THÍCH VĂN KINH: trong này ba phẩm thì làm ba phần: Phẩm đầu trình bày về Giải trong Tín giải; phẩm tiếp dựa vào Giải khởi Hạnh, phẩm sau cuối Giải-Hạnh đầy đủ cho nên thành tựu đức mà thôi. Lại giải thích đầu là Hạnh, tiếp là Nguyện, sau là phần vị của Đức.

Ngay trong phần đầu có hai: Đầu là chính thức phân rõ về mười nghĩa, sau là kết luận gồm chung nhìn thấy khắp nơi.

Trong phần trước theo Thiên sư Thiên giải thích là mười nghĩa thậm thâm, trong đó phân hai: Đầu là Văn Thù hỏi mọi người đáp, trình bày về diệu tuệ dẫn dắt các hành; sau là mọi người hỏi Văn thù đáp, trình bày về nhờ vào các hành mà thành tựu diệu tuệ.

Lại Pháp sư Diễn nói: Đầu một người hỏi nhiều người trình bày, là hiểu vô lượng trong một; sau nhiều người hỏi một người trình bày, là hiểu một trong vô lượng. Lại bởi vì Văn Thù là pháp chủ, nhiều cùng hỏi về pháp sâu xa của cảnh Phật: 1) Duyên khởi thậm thâm; 2) Giáo hóa thậm thâm; 3) Nghiệp quả thậm thâm; 4) Phật thuyết pháp thậm thâm; 5) Phước điền thậm thâm; 6) Chánh giáo thậm thâm; 7) Chánh hạnh thậm thâm; 8) Trợ đạo thậm thâm; 9) Nhất thừa thậm thâm; 10) Cảnh giới Phật thậm thâm.

1. Duyên khởi thậm thâm, bởi vì các pháp dựa vào tự tánh duyên sinh của Thức A-lại-da mới được Tập khởi. Vì sao đầu tiên phân rõ về nghĩa này? Nhiếp Luận nói: “Bồ-tát bắt đầu học thuận theo trước phải quán xét nhân duyên như thật của các pháp, bởi vì thành tựu Tín giải chính xác, là nói đến điều này.” Trong đó, trước hỏi-sau đáp, cũng là trước trình bày thiết lập về chất vấn, sau trình bày giải thích về chất vấn.

Trong phần trước có hai: Một là tổng quát nói cho biết, vì sao đầu tiên hỏi về Giác Thủ? Nghĩa là bắt đầu phát khởi chán ngán mong cầu không phải là Giác đầu tiên thì không dấy khởi, như Thiện Tài bắt đầu phát khởi từ thành Giác. Lại bởi vì duyên khởi thậm thâm cũng không phải là Giác thì không thông hiểu. Hai là trong phần chính thức chất vấn, chất vấn điều này do đâu sinh ra? Bởi vì tất cả các Bồ-tát phát khởi Tín-Giải-Hạnh..., đều dựa vào đạo lý duy tâm như vậy, đạt được khác với phàm phu-Tiểu thừa mà thành tựu Chánh hạnh. Khởi Tín luận

nói: “Có pháp có thể phát khởi Tín căn Ma-ha-diễn, vì vậy thuận theo mà nói, pháp đã nói là tâm chúng sinh, tâm này thì thâm nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian.” Do đó đối với điều này mà khởi lên chất vấn. Ý chất vấn rằng: Tâm tánh là một, quả báo đủ loại, vì sao một tâm mà sinh ra nhiều báo? Lại tâm tánh đã là một thì quả cũng sẽ là một, quả báo đã nhiều thì tâm cũng sẽ là nhiều. Giả sử như vậy thì có gì sai? Nghĩa là tâm nếu tùy theo báo trở thành nhiều thì sai với Duy Thức, báo nếu như tâm là một thì trái với nghiệp quả. Giả sử nói cứu vãn: Nếu thiết lập chỉ một tánh tâm, không có năng lực huân tập thì có thể như điều đã chất vấn, nay trình bày tâm tánh tuy là một mà tùy theo nghiệp thiện-ác... có thể huân tập mà chuyển cho nên sinh ra quả báo khác nhau, điều này có gì sai? Sau ngăn chặn sự cứu vãn này, lại tiếp tục chất vấn rằng: Nghiệp không nhận biết tâm, tâm không nhận biết nghiệp..., đã không nhận biết lẫn nhau thì sao trở thành huân tập, huân tập không thành thì sao đạt được các loại? Ý chất vấn như vậy.

Trong văn có hai: Đầu là nêu ra pháp thiết lập chất vấn, sau là năm câu ngăn chặn sự cứu vãn trở lại chất vấn. Trong phần trước có ba: Đầu là một câu nêu ra pháp để đối chiếu xác định, tiếp theo một câu là chính thức hiển bày về trái ngược nhau, sau cuối năm câu là giải thích về tướng trở thành trái ngược nhau.

Đầu nói tâm và tánh chỉ là một, nghĩa là bởi vì tánh của tâm, vốn là Như Lai Tạng bình đẳng cùng một vị, cho nên nói là một. Lại bởi vì tâm tức là tánh, vốn là Thức thứ tám không có hai loại, cho nên nói là một. Tiếp là vì sao có thể sinh ra đủ loại quả báo, là hiển bày về trái ngược nhau. Đây là chất vấn về bản-mạt trái ngược nhau. Sau là hoặc đến nẻo thiện..., là giải thích về tướng trở thành trái ngược nhau, trong đó có năm cặp: Cặp thứ nhất dựa theo y báo, nẻo thiện là trời-người, nẻo ác là ba đường khổ. Cặp thứ hai dựa theo chánh báo, ở trong nẻo thiện các căn như Nhãn... có đủ và không đủ, trong nẻo ác cũng như vậy. Cặp thứ ba trở lại dựa vào y báo, ở trong căn có đủ thì giết mổ-săn bắn... là xứ ác, trì giới-bố thí... là xứ thiện; trong căn không đủ cũng như vậy. Cặp thứ tư trở lại dựa theo chánh báo ngay trong xứ thiện có đoạn chánh-có thô lậu; trong xứ ác cũng như vậy. Cặp thứ năm ngay trong đoạn chánh có khổ-vui; trong thô lậu cũng như vậy. Sai biệt đủ loại như vậy, cho nên nói là không giống nhau, báo đã không giống nhau như vậy, thì nghĩa của một tâm ở đâu?

Từ đây trở xuống là năm câu giải thích về tướng trở thành trái ngược nhau, người xưa giải thích rằng: Dựa theo không nhận biết nhau

để chất vấn, nghĩa là tâm lấy hiểu biết làm tánh, có thể phát sinh đối với nghiệp, tâm và nghiệp đều có thể nhận biết nhau. Vì sao kinh nói: Nghiệp không nhận biết tâm, tâm không nhận biết nghiệp...? Cách giải thích này sợ rằng không thuận với vấn. Vì sao? Bởi vì không nhận biết lẫn nhau... ở đây và các câu trên là cùng thành một chất vấn như nhau, hay là lại thành chất vấn khác nhau? Nếu cùng thành một chất vấn như nhau, thì tâm tánh trước đây là một mà quả báo có đủ loại, chính là trái ngược nhau, cho nên đã thành chất vấn. Không nhận biết lẫn nhau ở đây đối với kia có tác dụng gì, nếu thành chất vấn riêng biệt thì lại vì nghĩa gì mà phát sinh chất vấn này? Vì vậy biết ý vấn có phần riêng biệt, cho nên nay giải thích không giống như xưa, nghĩa là đây tức là ngăn chặn cứu vấn tiếp tục chất vấn, nhưng cứu vấn ở ngoài vấn. Giả sử cứu vấn nói rằng tâm tánh tuy là một, nhưng có công năng của chủng tử huân tập nghiệp thiện-ác... sinh ra quả có sai khác, chỗ dựa của tâm tánh chỉ là một mà không có hai, cho nên không có lỗi.

Nay trong phần tiếp tục chất vấn có năm cặp:

Cặp thứ nhất dựa theo chủ động dựa vào-thụ động dựa vào không nhận biết lẫn nhau, cho nên không trở thành huân tập. Trong này nghiệp là chủ động dựa vào, tâm là thụ động dựa vào, lia thụ động không có chủ động, chủ động không nhận biết thụ động, cho nên nghiệp không nhận biết tâm; lia chủ động không có thụ động, thụ động không nhận biết chủ động, cho nên tâm không nhận biết nghiệp. Đã không nhận biết lẫn nhau thì sao trở thành huân tập? Bởi vì huân tập không có thì lẽ nào có thể nhờ vào nghiệp mà tâm sinh ra nhiều báo? Nhận biết lẫn nhau như vậy là dựa theo lực của tánh mà nói, nhưng không có tánh-không có lực, cho nên không nhận biết lẫn nhau, không phải là dựa theo nhận biết rõ ràng. Trên đây là dựa theo tướng của nhân thuộc Thức vốn có mà nói.

Cặp thứ hai dựa theo tướng của quả, nghĩa là nhân quả không nhận biết lẫn nhau, quả gọi là dị thực. Quả báo có đủ hai nghĩa: 1) Tâm chủ động thọ báo, là Thức chủng tử của Thức vốn có; 2) Tướng thụ động thọ báo, là Thức của quả báo. Bởi vì chủng tử là nhân của quả chứ không phải là nhân của mình, cho nên thọ không nhận biết về báo; bởi vì báo là quả của nhân chứ không phải là quả của mình, cho nên báo không nhận biết về thọ. Đã không nhận biết nhau thì nhân quả này mất đi, tâm sinh ra đủ loại, nghĩa ấy ở đâu?

Cặp thứ ba dựa theo mới huân tập không nhận biết lẫn nhau, nghĩa là ở trong báo này thọ gọi là tiếp nhận, do các chuyển thức mà làm chủ động huân tập, cho nên không giống như thọ báo; tâm gọi là tập khởi,

do Thức thứ tám mà làm thụ động huân tập, không có tự tánh với nhau, đều không nhận biết lẫn nhau. Huân tập đã mất, một tâm làm sao có thể sinh ra nhiều loại? Vì vậy trong Du-già nói: “Không thấy tạng trú, không thấy huân tập, đó gọi là Bồ-tát.”

Cặp thứ tư dựa theo thân-sơ không nhận biết lẫn nhau, nghĩa là chủng tử làm nhân, dựa vào Thức vốn có làm duyên. Bởi vì không có tánh đối đãi lẫn nhau, nghĩa là vốn không phải chính mình-không phải nơi khác-không giống nhau..., tướng thân-sơ không còn, cho nên không nhận biết lẫn nhau, nhân duyên đã lìa xa thì tâm sinh ra ở đâu?

Cặp thứ năm dựa theo cảnh-trí không nhận biết lẫn nhau, trí là chủ động nhận biết, tức là Kiến phần của các Thức; pháp là thụ động nhận biết, tức là Tướng phần của các Thức, cùng dựa vào một tâm, tất cả không có tự Thể, tự Thể không có thì cái gì cùng nhận biết lẫn nhau? Tâm-cảnh đã mất, chủ động-thụ động vắng lặng, tâm sinh ra đủ loại, nghĩa ấy ở đâu? Lại giải thích: Cảnh pháp là tâm biến đổi cho nên không nhận biết tâm, tâm dựa vào cảnh mà sinh cho nên không nhận biết pháp, không có cảnh ngoài tâm có thể chọn lấy tâm ngoài cảnh, vì thế cho nên cả hai không nhận biết lẫn nhau, tướng đều không còn.

Thứ hai là trong phần đáp có hai: Đầu là một kệ, tụng về khen ngợi thưa hỏi khuyến khích lắng nghe, nửa kệ trước khen ngợi thưa hỏi hợp với cơ, nửa kệ sau khuyến khích lắng nghe nhận lời thuyết giảng; sau có mười kệ nêu ra nghĩa chính thức đáp. Trong đó năm kệ đầu đáp về ngăn chặn cứu vãn chất vấn sau, bởi vì nghĩa cứu vãn nếu thành thì chất vấn vốn có mới loại trừ, vì thế cần phải đáp trước; năm kệ sau đáp về chất vấn thuộc pháp vốn có trước đây. Trong này ý đáp, trình bày về duyên khởi của tạng thức có hai nghĩa: Một là nghĩa về không dấy khởi bởi vì không có tự tánh, hai là nghĩa về có dấy khởi bởi vì có duyên khởi của không có tánh này. Hai loại này không hai, là một duyên khởi thậm thâm vô ngại. Trong này bởi vì không dấy khởi vốn là trở thành dấy khởi, cho nên chỉ bởi vì các duyên không nhận biết lẫn nhau mà trở thành huân tập, có đủ loại pháp sinh ra là đáp về chất vấn sau; bởi vì dấy khởi vốn là không dấy khởi, cho nên chỉ bởi vì các pháp sinh ra đủ loại, tất cả đều không có tự tánh, chỉ cùng một tâm tánh là đáp về chất vấn trước. Lại trước thì không ngại một tâm tức là đủ loại, sau thì không ngại đủ loại tức là một tâm, Chánh lý duyên khởi dung hòa vô ngại là ý ấy.

Trong năm kệ trước: Đầu là một kệ về pháp thuyết, sau là bốn kệ về ví dụ. Hoặc có thể phân ra làm năm phần: Một là tông, hai là nhân,

ba là dụ, bốn là hợp, năm là kết.

Một là các pháp không tự tại thì lập tông, các pháp là pháp có, không tự tại là pháp, pháp và pháp có hòa hợp gọi là tông. Trong đó có hai nghĩa: 1) Tạng tánh duyên khởi chủ động-thụ động huân tập khởi lên thâm nhiếp nhiều pháp, cho nên nói là các pháp, bởi vì làm nhân duyên với nhau, lại hệ thuộc với nhau, cho nên tất cả đều không thể nào tự có nơi tồn tại. 2) Từ các duyên khởi lên không có tự tánh, không có tự tánh cho nên không thể nào tự tồn tại.

Hai là đưa ra nhân, vì sao có thể biết là không tự tại? Nhân mà nói là cầu thật có thì không thể được, bởi vì các pháp của Thức vốn có cùng dựa vào duyên khởi, lại so sánh làm mất lẫn nhau, đều không có tự tánh, cho nên nói là cầu thật có thì không thể được. Điều này có hai nghĩa: Một là dựa theo Thức vốn có trình bày về không tự tại, bởi vì dựa vào các duyên không có tự tánh, cho nên nói là cầu thật có thì không thể được. Hai là dựa theo pháp chủ động huân tập... trình bày về không tự tại, bởi vì dựa vào Thức vốn có không có tự thể, cho nên nói là cầu thật có thì không thể được. Hoặc là luận chung có bốn nghĩa: Một, bởi vì các pháp dựa vào Thức, cho nên đối với các pháp mà cầu thật có thì không thể được; hai, bởi vì Thức vốn có làm chỗ dựa, cho nên đối với Thức vốn có mà cầu thật không có thì không thể được; ba, bởi vì các pháp khởi lên Thức, cho nên đối với các pháp mà cầu thật không có thì không thể được; bốn, bởi vì Thức tùy theo duyên khởi lên, cho nên đối với Thức vốn có mà cầu thật có thì không thể được. Hoặc tách ra làm tám câu, nghĩa là đều có bốn câu phân biệt là có-không có-có cả hai-không cả hai, dựa theo suy nghĩ có thể thấy. Lại giải thích điều này có bốn câu: Một, bởi vì không dấy khởi không khác dấy khởi, mà cầu không dấy khởi thì thật không thể được, cho nên không dấy khởi không tự tại. Hai, bởi vì dấy khởi không khác không dấy khởi, mà cầu dấy khởi thì thật không thể được, cho nên dấy khởi cũng không tự tại. Ba, bởi vì không có hai mà cầu hai thật có thì không thể được, cho nên không có cả hai tự tại. Bốn, bởi vì không trở ngại hai nghĩa, mà cầu cả hai không phải là thật thì không thể được, cho nên không có cả hai không phải là tự tại. Vì sao không tự tại như vậy? Bởi vì duyên khởi tự tại. Vì sao không thật có? Bởi vì duyên khởi là lý thật.

Ba từ “Thị cố nhất thiết pháp...” trở xuống là kết luận, bởi vì kết luận tùy theo pháp cho nên ở sau Tông và Nhân, trình bày về Hợp tùy theo Dụ cho nên nói ở sau Dụ. Cả hai đều không nhận biết lẫn nhau, là như trong chủ động-thụ động huân tập trên đây đều có hai nghĩa về có-

không có, bởi vì hai có-hai không có đều không đi cùng cho nên không có thể nhận biết lẫn nhau; bởi vì một có-một không có, một không có-một có đều không có hai cho nên không có thể nhận biết lẫn nhau. Chính là bởi vì không nhận biết... như vậy cho nên nhất định có tất cả các pháp, vì vậy nói là tất cả không nhận biết lẫn nhau. Đây là hiển bày không phải dứt khoát một vị bình đẳng không làm hỏng các pháp, cũng chính là chỉ vì bình đẳng mà có các pháp.

Bốn là trong dụ có bốn dụ, tạng thức này có bốn nghĩa: 1) Nghĩa về nhân quả nối tiếp dựa vào nơi khác; 2) Nghĩa về làm nhân quả với nhau sinh ra Thức; 3) Nghĩa về tiếp nhận huân tập; 4) Nghĩa về duy trì dựa vào nhau.

Thứ nhất là dụ như dòng sông chảy xiết, là trong Duy Thức luận trình bày về Thức A-lại-da luôn luôn chuyển như dòng thác đổ, là nghĩa này. Trong này không có dứt tuyệt là nghĩa về luôn luôn trong luận ấy, dòng sông chảy mãi là nghĩa về chuyển trong luận ấy. Vì vậy luận ấy nói: Luôn luôn nói là ngăn chặn về Đoạn, chuyển là biểu thị về không phải là Thường.

Nếu phân biệt một cách tỉ mỉ thì lúc dòng nước chảy phải có bốn nghĩa:

1) Có nước tự nhiên tuôn chảy, uốn cong có ba: a-Thể của nước thanh tịnh dụ cho Thức vốn có, là tâm thanh tịnh-tánh vốn có Như Lai Tạng; b-Đất xen tạp trở thành đục ngầu dụ cho tự tánh thanh tịnh Như Lai Tạng bị vô minh làm cho vấy nhiễm mà có tâm vấy nhiễm; c-Gặp lạnh trở thành băng dụ cho Như Lai Tạng vẫn đi cùng với vọng thức làm thành duyên khởi của Thức vốn có, vì vậy kinh Lăng Già nói: “Như Lai Tạng gọi là Thức A-lại-da, mà đi cùng với bảy Thức vô minh...”

2) Dựa vào nhau mà có dòng chảy, dùng để dụ cho nghĩa về tự tướng của Thức vốn có, nghĩa là vì dòng nước sau thúc đẩy cho nên dòng nước trước phải chảy, hoặc là dòng nước trước dẫn đường cho nên dòng nước sau nhất định tuôn chảy, đều có nghĩa về có lực-không có lực..., không nhận biết lẫn nhau mà có thể tuôn chảy. Đây tức là không chảy mà chảy, như nói dòng sông cuộn cuộn tuôn trào mà không chảy, là nói đến điều này.

Trong kinh nói là sinh diệt tuôn chảy, Duy Thức luận quyển thứ ba nói: “Như thác nước không phải là Đoạn-không phải là Thường nối tiếp nhau mãi mãi mà có nổi chìm; Thức này cũng như vậy, từ vô thủy đến nay sinh diệt nối tiếp nhau không phải là Thường-không phải là Đoạn, hữu tình nổi chìm khiến cho không thoát ra được, cho đến nói là tánh của

Thức này từ vô thủy đến nay quả sinh-nhân diệt trong từng sát-na một. Quả sinh cho nên không phải là Đoạn, nhân diệt cho nên không phải là Thường. Không phải là Đoạn-không phải là Thường, chính là lý duyên khởi, cho đến phải tin chắc Chánh lý duyên khởi của Đại thừa, nghĩa là Chánh lý này sâu xa vi diệu bất dứt ngôn từ, nói đến nhân quả... đều là tạm thời thi thiết. Quán về pháp hiện tại có tác dụng dẫn dắt về sau, tạm thời lập ra quả sau này để so sánh nói về nhân hiện tại. Quán pháp hiện tại có tướng đền đáp trước đây, tạm thời lập ra nhân đã từng có để so sánh nói về quả hiện tại. Tạm thời nghĩa là Thức hiện tại tựa như hiện rõ ra tướng ấy, như vậy lý nhân quả luôn luôn hiển bày rõ ràng, lìa xa hai bên phù hợp với Trung đạo, những người có trí nên thuận theo tu học.” Lại theo kinh Lăng Già nói: “Sát-na không còn rối loạn, vắng lặng lìa mọi việc làm, tất cả các pháp không sinh, Ta nói là nghĩa sát-na, mới sinh tức là có diệt, không nói cho người ngu si, tánh nối tiếp nhau không dứt, do vọng tưởng mà huân tập.”

Giải thích rằng: Trong luận trước thì sinh diệt cách niệm, trong kinh nói sinh diệt đồng niệm, vì thế cho nên sinh diệt là không sinh-không diệt. (Lại suy nghĩ điều ấy) Kinh dựa theo Chung giáo, thì không sinh diệt cùng với sinh diệt hòa hợp gọi là Thức A-lại-da...; luận dựa theo Thủy giáo, chỉ riêng sinh diệt là Thức, tướng tận có thể cũng không thành sinh diệt, bởi vì lúc sinh không có diệt thì lẽ ra không phải là hữu vi, bởi vì tướng không đầy đủ. Nếu có diệt thì lẽ ra không thể nào sinh, bởi vì trái ngược nhau. Do đó trong Chung giáo là đồng niệm, bởi vì đều là hư giả cho nên không ngăn ngại nhau. Lại dựa vào Chân tâm cho nên có thể là đồng, tùy theo tướng cho nên có khác. (Lại suy nghĩ điều ấy) Quá khứ diệt có thể trở thành sinh, vị lai diệt có thể làm hồng sinh, pháp sinh có thể hủy hoại, đã diệt có thể trở thành đang diệt. Lại một tướng diệt hướng về sinh trước có thể hủy hoại, hướng về sinh sau có thể thành tựu; một tướng sinh hướng về diệt trước có thể hủy hoại, hướng về diệt sau có thể thành tựu, cho nên nối tiếp nhau không có dứt tuyệt. (Lại suy nghĩ điều ấy) Lại sinh do diệt mà khởi, cho nên trong sinh vốn có diệt, bởi vì vốn có diệt cho nên khiến sinh không trú, cũng lại trở thành diệt. Diệt do sinh mà có, cho nên trong diệt hàm chứa sinh, bởi vì hàm chứa sinh cho nên khiến diệt không trú, cũng lại trở thành sinh, vì thế sinh diệt đan xen lẫn nhau, trước sau cùng lúc, không trở ngại lẫn nhau, tuôn chảy không gián đoạn.

Lại trong một tướng sinh có nghĩa về bốn loại diệt, cùng lúc đầy đủ: a) Tánh không thành tựu gọi là diệt; b) Do diệt mà khởi cho nên

vốn có diệt; c) Có thể trở thành diệt cho nên vốn có diệt; d-Do sinh diệt cùng là vọng chấp trong mộng thấy có trước sau, lúc lý thật chiếu rọi đều không có trước sau, cho nên sinh thì vẫn có diệt. (Lại suy nghĩ điều ấy) Niệm trước diệt đi chảy dài đến nơi sinh, niệm sau sinh ra chảy dài đến nơi diệt, sinh diệt hai dòng cho nên nói là chảy dài. Chưa đạt được đạo đối trị về trước không có tạm thời dừng lại, cho nên nói là không có tuyệt dứt. Hai dòng đều không có... cho nên không nhận biết nhau.

3) Dựa vào gió vốn có hai nghĩa: a) Dựa vào gió mà được tuôn chảy, dụ cho nghĩa về tướng của nhân thuộc tạng thức, nghĩa là dựa vào gió của Hoặc nghiệp huân tập chủng tử mà trôi nổi; đây là dựa theo tướng của nhân mà phân rõ. b) Dựa vào gió nổi sóng, kinh Lăng Già nói: “Biển tạng thức thường trú, gió cảnh giới làm động, đủ loại sóng các Thức, tung vọt mà chuyển sinh.” Duy Thức luận quyển thứ ba nói: “Lại như dòng thác đổ, tuy gió... đánh tạt vào nổi lên các làn sóng mà tuôn chảy không dứt; Thức này cũng như vậy, tuy gặp các duyên khởi lên các Thức như Nhãn... mà luôn luôn nối tiếp nhau.” Trong này, một là gió thổi mà tuôn chảy, hai là do nước mà tuôn chảy, cho nên nói là chảy dài. Dựa vào nhau không có tánh đều không nhận biết lẫn nhau, hoặc là dòng chảy của chủng tử và dòng chảy của Thức đã dựa vào..., tuy không nhận biết lẫn nhau nhưng mà có tuôn chảy. Nghiệp không nhận biết tâm ở văn trên dựa theo điều này.

4) Dựa vào thế đất cao thấp mà tuôn chảy, dụ cho nghĩa về tướng của quả thuộc Thức vốn có, dựa vào đủ loại báo của nơi thọ sinh cho nên tuôn chảy, nơi trời-người là cao, nơi đường ác là thấp; đây là dựa theo tướng của quả. Trong này, tâm và báo là hai, không có tánh cho nên không nhận biết lẫn nhau. Báo không nhận biết thọ... ở văn trên dựa theo điều này. Hoặc là kèm theo vật mà tuôn chảy, cho nên trong Duy Thức nói: “Lại như dòng thác cuốn trôi các vật như cỏ rác-cá tôm... trên và dưới dòng nước, tùy theo nơi chảy qua không bỏ; Thức này cũng như vậy, cùng với pháp như tập khí bên trong-cảnh tiếp xúc bên ngoài... luôn luôn chuyển theo nhau.”

Thứ hai là dụ về ngọn lửa đèn, thành tựu nương tựa có ba nghĩa:

1) Nghĩa về sinh ra Thức; 2) Nghĩa về làm nhân quả cho nhau; 3) Nghĩa về chấp thọ.

1) *Nghĩa về sinh ra Thức*, là như nhờ vào ngọn lửa trước đốt cháy tim đèn cho nên ngọn lửa sau được sinh ra, chiếu rọi rõ ràng cảnh trước chỉ một niệm vẫn không tạm dừng; sáu Thức cũng như vậy, danh ngôn... dựa vào Thức của chủng tử vốn có cho nên có thể sinh ra Thức sau

chiếu rọi đối với cảnh giới, trong thời gian trước diệt-sau sinh không có tạm dừng. Trong này dùng Thức vốn có như dầu và cây đèn, các chủng tử trong Thức như tim đèn, sáu Thức hiện hành đã sinh ra như hơi nóng không có Thể mau chóng diệt đi cho nên không nhận biết lẫn nhau. Cả hai đều không nhận biết lẫn nhau, người xưa nói rằng: Hơi nóng và cây đèn là hai, tim đèn và dầu là hai, bốn pháp hòa hợp mà sinh ra đều không nhận biết lẫn nhau. Điều này sợ rằng không có lý, ý văn tựa như chọn lấy ngọn lửa trước-ngọn lửa sau là hai, bởi vì mau chóng diệt đi không dừng lại, không có Thể để có thể nhận biết lẫn nhau; sáu Thức dựa vào Thức không có Thể vốn có cũng như vậy, tâm không nhận biết thọ... dựa theo điều này.

2) *Nghĩa về cùng lúc làm nhân quả cho nhau*, như Nhiếp Luận quyển thứ hai nói: “Luận nói: Ví như ánh sáng ngọn đèn cùng với tim đèn sinh ra và đốt cháy cùng lúc lại làm nhân cho nhau. Giải thích: Bởi vì Thể của tim đèn làm nơi dựa vào có thể phát ra hơi nóng ánh sáng, tim đèn là nhân phát sinh hơi nóng ánh sáng, hơi nóng ánh sáng thì sinh ra trong sát-na này, bởi vì có thể đốt cháy tim đèn, hơi nóng ánh sáng làm nhân đốt cháy cho tim đèn, cho đến v.v... Luận nói: Nên biết Thức vốn có cùng với chủ động huân tập lại làm nhân cho nhau, nghĩa ấy cũng như vậy, như Thức làm nhân cho pháp nhiệm ô, pháp nhiệm ô làm nhân cho Thức. Giải thích: Thức A-lại-da này là nhân sinh ra chủng tử, nếu không có Thức này thì ba nghiệp sinh diệt không có nơi có thể nương tựa, như thân thể lụi tàn, công năng cũng như vậy. Vì vậy Thể của các pháp sinh ra do Thức này, công năng cũng lập, cho nên Thức vốn có là nhân phát sinh pháp ấy, pháp ấy cũng như vậy. Nếu pháp ấy không có Thức này, khởi lên ở hiện tại thì không có đạo lý chuyển sau khác trước, biến đổi sai khác này là quả của pháp ấy.” Giải thích rằng: Trong này, niệm trước là tim đèn và hơi nóng cùng một sát-na lại đốt cháy sinh ra lẫn nhau, đều có nhân quả cũng cùng lúc lụi tàn, hơi nóng sau cũng như vậy, cho nên nói là hơi nóng hừng hực. Chưa đến phạm vi đối trị thì pháp này luôn luôn dấy khởi, cho nên không tạm dừng lại. Bởi vì hai nhân-hai quả không đi cùng cho nên không nhận biết lẫn nhau, một nhân-một quả không có hai cho nên không có thể nhận biết. Lại cũng có thể hơi nóng của tim đèn đốt cháy và hơi nóng của tim đèn sinh ra, cho nên nói là hơi nóng hừng hực. Bởi vì lý sinh ra không dừng lại vốn là đốt cháy, lý đốt cháy cũng như vậy cho nên nói là không tạm dừng lại. Không nhận biết lẫn nhau, nói như trên. Trong này, nghĩa về làm nhân quả cho nhau sơ lược đưa ra hai lớp, đều có ba môn: a-Giữ gìn

lỗi lầm; b-Hiện bày về đức; c-Chỉ ra lỗi lầm. Như trong hỏi đáp v.v...

3) Nghĩa về chấp thọ, trong này ngọn đèn sáng có hai công năng:

a) Tim đèn đốt cháy bên trong, b) Phát ra ánh sáng chiếu rọi bên ngoài, dụ cho Thức vốn có này có sự chấp trì cả bên trong lẫn bên ngoài. Du-già nói: “Thức này chấp thọ có hai: 1) Bên trong chấp thọ chủng tử và năm căn thân, 2) Bên ngoài chấp thọ Khí thể gian, giống như hơi nóng ánh sáng bên trong giữ lấy dầu và tim đèn, bên ngoài phát ra ánh sáng rõ ràng, là nói đến điều này. Bởi vì hai phạm vi trong-ngoài này cho nên nói là hơi nóng hừng hực, luôn luôn giữ gìn không gián đoạn cho nên nói là không dừng lại. Trong-ngoài là hai, bởi vì không có tánh cho nên không nhận biết lẫn nhau.

Thứ ba là gió dụ cho nghĩa về huân tập. Trong này, gió có hai nghĩa: a) Có lực luôn luôn lay chuyển vật khác, dụ cho chuyển thức luôn luôn huân tập trở thành chủng tử...; b) Nghĩa về không có Thể, nghĩa là gió này không có thể tự mình hiện rõ tướng lay động, cần phải thổi vào vật khác làm cho lay động mới nhận biết tướng của gió, bởi vì lay động này chính là vật lay động, cho nên biết rằng gió không có tự Thể. Các pháp chủ động huân tập không có thể tự mình trở thành chủng tử, cần phải huân tập Thức vốn có trở thành chủng tử rồi mới hiển bày chủ động huân tập, chủng tử này chính là chủng tử của Thức, cho nên biết chủ động huân tập không có tánh. Cả hai đều không nhận biết lẫn nhau thì gió và vật là hai, lay động dựa vào vật thì gió không có Thể, vật tùy theo gió thì vật không có tự tánh, cũng là hai không có-hai có không đi cùng, một không có-một có không có chủ động-thụ động, cho nên đều không nhận biết; trong Thức cũng như vậy, dựa theo điều đó cho nên nói là các pháp cũng như vậy.

Thứ tư là mặt đất dụ cho nghĩa về duy trì dựa vào nhau, như Địa luân dựa vào Thủy luân, Thủy luân dựa vào Phong luân, Phong luân dựa vào hư không, hư không không dựa vào nơi nào; nghĩa về tâm cũng như vậy, cảnh giới dựa vào vọng tâm, vọng tâm dựa vào Thức vốn có, Thức vốn có dựa vào tâm tịnh, tâm tịnh không dựa vào nơi nào. Lại giải thích hiện hành dựa vào chủng tử, chủng tử dựa vào Thức vốn có, Thức vốn có dựa vào Chân như, Chân như không dựa vào nơi nào. Không nhận biết là hư không làm chỗ dựa cho gió, bởi vì tự mình không có Thể cho nên không nhận biết về gió; gió làm chỗ dựa cho nước, tự mình dựa vào hư không cho nên không có lực có thể nhận biết về nước; nước đối với mặt đất cũng như vậy, trong Thức cũng dựa theo điều này. Trên đây là đáp về ngăn chặn cứu vãn chất vấn sau, xong.

Thứ hai, trong phần đáp về chất vấn thuộc pháp vốn có trước đây, năm kệ phân làm hai: Đầu là hai kệ chính thức đáp về chất vấn trước đây, sau là ba kệ hiển bày về quán môn. Trong phần đầu chất vấn rằng: Tâm tánh đã là một, làm sao có thể sinh ra đủ loại quả báo? Nay đáp là bởi vì tùy theo các chuyển thức huân tập mà sinh ra, không phải là một tâm này tự làm ra đủ loại, cho nên nói Nhãn-Nhĩ... cho đến vì vậy mà chuyển các khổ; năm cặp như hoặc là đến nẻo thiện... trước đây đều dựa theo báo để phân rõ, cho nên nói chung là các khổ. Trong này, năm thức như Nhãn... có thể biết, tâm là Thức vốn có bởi vì có nghĩa về tập khởi, ý là Mạt-na bởi vì có nghĩa về suy nghĩ, tình là Thức thì thứ sáu bởi vì là nghĩa về phân biệt rõ ràng. Tám loại này đều có căn, năm căn có thể biết, ý là căn thứ sáu, bảy và tám làm căn cho nhau, đều có nghĩa về sinh ra Thức, vì vậy nói là tình căn, dựa vào chủ động-thụ động huân tập này hòa hợp mà chuyển các khổ.

Nghi ngờ rằng: Đã tùy theo huân tập mà chuyển các khổ tức là trở thành nhiều tâm, vì sao vẫn nói là chỉ một tâm? *Đáp rằng:* Các pháp chủ động huân tập này nếu như là thật thì có thể khiến cho tùy theo huân tập mất đi một tâm, các khổ đã hư giả cho nên đạt được một tâm mà thật thì không chuyển đổi. *Nghi ngờ rằng:* Nếu thật sự không chuyển đổi thì vì sao trước đây nói tùy theo huân tập mà chuyển các khổ? *Đáp rằng:* Chỉ nêu ra rõ ràng về chuyển chứ không phải là thật sự chuyển. *Nghi ngờ rằng:* Đối với pháp tánh nếu có nêu ra rõ ràng điều này thì cũng có thể trái ngược nhau? *Đáp rằng:* Chỉ tùy theo nơi khác có nêu ra rõ ràng, ở trong pháp ấy không có nêu ra rõ ràng điều này. Vì sao không có? Bởi vì nêu ra rõ ràng là không có tất cả.

Trong kệ này, nửa kệ trước trình bày về không nhiễm mà nhiễm, nửa kệ sau trình bày về nhiễm mà không nhiễm. Ba kệ sau là trình bày về quán ba vô tánh: Một kệ đầu là quán về Biến kế không có tướng, nghĩa là tám thức... trên đây, bởi vì dựa theo chấp chỉ là hư vọng hoàn toàn không có gì. Một kệ tiếp là trình bày về quán Y tha không có sinh, câu đầu quán về phương tiện Tầm-Tứ...; câu tiếp quán về cảnh, có là Nhãn-Nhĩ... trước đây, không có gì là bởi vì các duyên không có tánh cho nên Không; câu tiếp là chính thức quán, bởi vì thấy lý không hề có gì, cho nên nói là không trái ngược; câu sau cuối giải thích rằng bởi vì đạt được mắt thấy pháp không xen tạp vô minh, cho nên nói là tịnh. Một kệ sau trình bày về quán tánh chân thật không có tánh, trong đó hư vọng là tánh đã chấp, không phải vọng là tánh Vô tướng, thật là tánh Vô sinh, không thật là tánh Y tha. Hai quán nếu thành tựu là xuất thế gian,

hai quán nếu không có là thế gian, dựa theo quán trí mà nói. Như vậy có-không có đối đãi với nhau không thật, cho nên nói chỉ nhờ vào ngôn từ giảng giải. Có và không có đều mất, mới tiến vào quán tánh không có tánh. Ở đây thuận theo mở rộng nói về quán ba tánh-hai tánh..., dựa theo Giải-dựa theo Hạnh để phân tích.

2. Giáo hóa thậm thâm. Vì sao đưa ra? Bởi vì trước đây trình bày về thâm nhiếp tâm tiến vào lý, ở đây phân rõ về Hậu trí cứu giúp chúng sinh, tài là pháp tài. Trong đó, trước là hỏi-sau là đáp. Trong này hỏi-đáp tựa như có phần khác nhau, dựa theo đáp chọn lấy câu hỏi. Trong hỏi nên nói: Như Lai đã tùy theo mười loại giáo hóa, vì sao lại nói chúng sanh thì không phải là chúng sinh? Trong đáp trình bày về thân mạng... đều Không, là tùy theo mười loại giáo hóa thì không phải là giáo hóa, bởi vì chúng sinh không phải là chúng sinh thì giáo hóa cũng không phải là giáo hóa, điều này có gì sai? Lại dựa theo hỏi chọn lấy đáp, ý chất vấn rằng: Như Giác Thủ đã nói: Chúng sinh đã Không, làm sao giáo hóa? Lúc giáo hóa nếu như Thánh trí hợp với lý thấy Không, thì không thành tựu giáo hóa. Nếu giống với phàm phu chấp trước ngang ngược cho là có, thì không có thể giáo hóa. Đây là chất vấn trái ngược nhau về có-không có. Ý đáp: Chúng sinh là Không, Không là chúng sinh. Đại Phẩm nói: “Không phải là vì không có Sắc cho nên gọi là Sắc-Không, mà chỉ vì Sắc tức là Không, Không tức là Sắc.” Giải thích rằng: Bởi vì Không ngay nơi Sắc mới là Chân Không, chứ không phải là Không của đoạn mất, cho nên đây không phải là cảnh của trí phàm phu. Bởi vì chúng sinh như vậy dùng mười loại tùy theo như vậy để nói về pháp môn như vậy, mới là chân thật giáo hóa.

Trong chất vấn có hai: Một là một câu nêu ra nghĩa chính, hai từ “Vân hà...” trở xuống là hiển bày trái ngược nhau. Trong đó, người xưa lấy tùy thân là tổng quát, nay một câu đầu là tổng quát, mười câu còn lại là riêng biệt. Một câu đầu là lúc phát tâm, lúc đạt được đạo..., Luận nói: Chất vấn về nơi sinh vốn là chờ đợi thời gian. Hai là tùy theo thọ mạng của báo ấy, hoặc là thời gian dài, hoặc là thời gian ngắn thích hợp với tiếp nhận giáo hóa, thì ở thời gian ấy mà giáo hóa. Ba là tùy theo thời gian của thân đã thọ, như phải có được thân người mới giáo hóa... Bốn là tùy theo thời gian của hành nghiệp đã làm, như phải gây ra việc ác mới đạt được pháp nhãn, như kinh Tịnh Chư Nghiệp Chướng nói về thiện hạnh... Năm là tùy theo thời gian đang khởi lên mong muốn ưa thích điều gì mà tiếp nhận giáo hóa. Sáu là tùy theo thời gian khởi lên thế nguyện gì mà tiếp nhận giáo hóa. Bảy là tùy theo thời gian khởi lên

ý niệm gì nhớ đến sự việc gì. Tám là tùy theo thời gian khởi lên phương tiện gì mà muốn tu tập thành tựu. Chín là tùy theo thời gian khởi lên tư duy điều gì để chiếu rọi quán sát. Mười là tùy theo thời gian khởi lên suy nghĩ tính toán điều gì. Mười một là tùy theo thời gian khởi lên cách nhìn như thế nào để thích hợp tiếp nhận giáo hóa. Như Lai vào lúc bấy giờ liền thuận theo giáo hóa, đã giáo hóa uốn khúc tùy theo căn cơ như vậy, mà nói chúng sinh thì không phải là chúng sinh, lý ấy ở đâu?

Thứ hai trong đáp có hai: Một là một kệ khen ngợi về đức khuyến khích lắng nghe, nửa kệ trước khen ngợi đức của Văn thù, bởi vì trong trí không xen lẫn vô minh cho nên nói là Minh trí, có thể chiếu rọi về lý duy tâm cho nên nói là cảnh giới. Vì sao luôn luôn chiếu rọi cảnh này, là bởi vì thường vui với hạnh vắng lặng. Hai là trong chín kệ có hai: Bảy kệ đầu chính thức đáp câu hỏi trước, hai kệ sau ngăn chặn chất vấn tiếp tục đáp. Trong phần trước một câu hỏi về tùy thời không có đáp, bởi vì tổng quát không là riêng biệt. Ba kệ đầu đáp một câu hỏi về tùy thân, hai kệ tiếp đáp một câu hỏi về tùy mạng, một kệ tiếp đáp một câu hỏi về tùy hạnh, một kệ sau cuối đáp chung về bảy câu hỏi còn lại.

Trong ba kệ đầu, hai kệ trước trình bày về Nhân Không: Một kệ đầu là xưa nay nói rằng Ngã ở trong thân, nay trình bày về thân không có-Ngã cũng không có, là bởi vì quán về Giới phân biệt, quán xét thân này không thể đạt được, thì thông hiểu về Ngã có trong thân đã chấp tức là không có. Một kệ tiếp là xưa nay nói rằng thân nương tựa vào Ngã, nay trình bày về Ngã không có-thân cũng không có, là bởi vì tìm thân chủ động dựa vào, quán xét về Ngã thụ động dựa vào không thể đạt được, thì không đắm trước đối với thân. Một kệ tiếp là dùng bên trong giống như bên ngoài để trình bày về pháp không có Ngã, trong đó hai câu đầu là nêu ra, một câu tiếp là giải thích, một câu sau cuối là lợi ích. Tùy thân như vậy thì không phải là tùy, không khác chúng sinh thì không phải là chúng sinh, vì vậy không có gì sai.

Ngay trong hai kệ đáp về tùy mạng, một kệ đầu quán về cảnh, một kệ sau quán về trí. Trong kệ trước, thân nói là danh sắc tức là thân của quả báo, mạng nói là chính thọ sinh ra thức tức là Thức vốn có, Thức vốn có và thân từ đầu tới cuối lại làm nhân quả cho nhau hòa hợp không hai, dù nói có thể biết. Ở đây làm nhân quả cho nhau, không phải là cảnh thuộc về Thức rối loạn của Nhị thừa và phàm phu ngu muội, cho nên nói là không thể nhận biết. Nghĩa này ai có thể nhận biết? Bởi vì người trí có thể quán sát, thì pháp của Phật Bồ-tát như trí. Sở dĩ có thể nhận biết thân mạng lại làm nhân duyên cho nhau, là bởi vì pháp vô

thường dựa vào nơi khác để phân biệt lại làm nhân với nhau cho nên có thân mạng, vì pháp thường trú không trở thành nhân cho nên đã nói vô thường, ngay nơi có-không phải là có đều không có tự tánh, cho nên nói là Không-Vô ngã, và lia tất cả các tướng như tăng thêm-giảm bớt...

Ngay trong một kệ đáp về tùy hạnh, bởi vì Thức vốn có và các pháp huân tập của ý thức lại làm nhân cho nhau. Do công năng của nghiệp phát sinh chứ không phải là có người-pháp..., cho nên nói là không có Ngã giống như mộng. Không phải là chỉ có nghiệp hạnh riêng biệt bắt dứt hai Ngã, do nghiệp mà đạt được quả của báo, cho nên tánh của Ngã cũng vắng lặng. Nhân quả ấy tựa như trước sau khác nhau, nghĩa về không có Ngã giống như không hề có sai khác.

Tiếp theo một kệ đáp về bảy câu hỏi sau, bởi vì tùy theo bảy loại như mong muốn ưa thích... đều là tâm sở (tâm số), dựa vào tâm vương không tự tại, cho nên đưa ra tâm vương thấu nhận toàn bộ để đáp chung, do đó nói rằng chỉ lấy tâm làm chủ. Lại giải thích, tất cả các pháp thế gian chỉ là do tự tâm thay đổi sai khác mà dấy lên, tâm là nguồn gốc của các pháp, cho nên nói là chủ. Nhưng phạm phu ngu muội không hiểu rõ về nghĩa duy tâm, tùy tiện thuận theo phân biệt khởi lên bảy loại tâm niệm như mong muốn ưa thích... này, bởi vì đều giữ lấy tướng cho nên đều là điên đảo, là điên đảo cho nên tức là Không, không hề có gì, vì vậy tùy theo thì không phải là tùy theo.

Sau là giải thích ngăn chặn chất vấn, sợ rằng có người chất vấn rằng: Nếu chúng sinh như vậy thì Không tất nhiên là pháp môn, tùy theo cũng như vậy đâu cần phải trải qua giáo hóa? Giải thích rằng: Bởi vì không có thể hiểu rõ các pháp tức là không hai, do đó cần phải giáo hóa. Lại tiếp tục chất vấn rằng: Vậy thì chúng sinh này không hiểu rõ chân thật, lẽ nào không phải là Không hay sao? Giải thích rằng: Bởi vì thuận theo duyên khởi cho nên không phải là không có, nhanh chóng diệt đi không dừng lại cho nên không phải là có, hai pháp này không hai là chúng sinh cho nên nói là không có tướng khác nhau, do đó có thể giáo hóa. Kệ trước trình bày về cần phải giáo hóa, kệ sau trình bày về thành tựu giáo hóa.

3. Nghiệp quả thậm thâm, trong phần này trước là chất vấn, sau là trình bày. Trong chất vấn có hai, trước là nêu ra pháp chính thức chất vấn, sau từ “Nhiên pháp tánh...” trở xuống là ngăn chặn cứu vãn tiếp tục chất vấn. Trong này ý chất vấn, nếu trong bốn Đại không có Ngã thì ai làm ra thiện ác, ai có thể nhận lấy báo ứng? Trong này chấp có tác dụng thuận theo có người làm ra, là lấy Dụng đưa ra Thể để chất

vấn. Giả sử Tiểu thừa nói cứu vãn, thì tuy không có Ngã-Nhân-Tác giả, nhưng có pháp thiện ác nhân quả, cho nên có thể như vậy. Hãy còn là chấp pháp, cho nên lại chất vấn rằng: Nhưng đối với pháp tánh không có thiện-không có ác, đây là hiển bày về pháp Không. Đã đối với pháp tánh là Không, không có thiện-ác, nếu không có người làm ra thì lại vì pháp nào mà có nghiệp quả, do đó biết là có Ngã. Ngã đã thật có thì lý Vô ngã ở đâu? Ý chất vấn như vậy.

Trong phần trước có hai: Một câu trước nêu ra nghĩa chính, còn lại hiển bày về trái ngược nhau. Trong đó có năm cặp mười câu: 1) Dựa theo thọ báo cho rằng có người thọ; 2) Dựa theo nghiệp tạo tác cho rằng có người tạo tác; 3) Dựa theo sai biệt trong báo, bên trong dựa theo hành, bên ngoài dựa theo thân, nếu không có nghiệp tạo tác thì vì sao có sự sai khác này? 4) Dựa theo báo nhiều ít, như trong kinh nói, chủ động tạo tác nhiều nghiệp thì thọ báo cũng nhiều, ít cũng như vậy, cho nên biết có Ngã. Trên đây là dựa theo Sinh báo. 5) Dựa theo Hiện báo và Hậu báo. Sau là ngăn chặn cứu vãn chất vấn có thể biết, cũng là trở lại tiếp tục đưa ra.

Thứ hai là trong đáp, vì sao Bảo Thủ đáp, nghĩa là trong sự hiển bày lý đạt được nhiều vật báu đáng quý. Trong đó có hai: Đầu là một kệ nói về pháp, sau là nói về chín dụ.

Trong phần trước có hai nghĩa: Một là nêu ra nghĩa chính thức đáp, hai là dẫn ra chứng đắc của Đức Phật để nói, không phải là mình có thể biết. Trong phần đầu, hai câu trước trình bày về nghiệp quả không hư hoại, một câu sau trình bày về không có người làm ra, nghĩa là tùy theo các nghiệp sai biệt đã làm ra huân tập vào Thức vốn có, Thức vốn có dựa vào nơi khác biến đổi tựa như do nghiệp ấy mà sinh khởi quả báo, cho nên có đủ loại khác nhau như nhiều báo..., chỉ là các Thức duyên khởi cùng nhau tập hợp mà thành, không có tự tánh cho nên nhất định có nghiệp quả, thật sự không phải là trong bốn Đại có riêng nhân-ngã có thể làm ra nghiệp nhận lấy quả, cho nên nói là người tạo tác không có. Đây là bởi vì lý Vô tánh cho nên pháp tánh không có thiện-ác, bởi vì Vô tánh mà trở thành nhân quả cho nên có nghiệp quả sai biệt. Đây chỉ có nhân quả vô tánh, liên quan gì có nhân-ngã, cho nên nói trong bốn Đại không phải là Ngã... Nghĩa lý của Chánh pháp quyết định như vậy, do chư Phật ba đời cùng thuyết ra, cho nên nói là chư Phật thuyết. Trong kinh Lăng Già quyển thứ nhất nói: “Ta thường thuyết pháp Không, xa lìa với Đoạn-Thường, sinh tử giống như mộng, mà nghiệp ấy không mất.” Là nói đến điều này.

Trong phần sau là chín dụ đều có hai nghĩa, đó là nghiệp quả rõ ràng mà không hề có gì cho nên trở thành dụ.

Thứ nhất trình bày về dụ Y tha lìa tánh, nghĩa là Thức vốn có như tấm gương, tùy theo huân tập mà hiện bày nghiệp quả như cảnh tượng, đây là nghĩa về Y tha. Trong-ngoài không vốn có gì là trình bày về nghĩa lìa tự tánh, điều này có ba lớp bốn câu: 1) Dựa theo hình ảnh, nghĩa là không có sắc chất cho nên không hiện bày, bởi vì bên trong không có gì; không phải là gương cho nên không có hiện bày, bởi vì bên ngoài không có gì; dựa vào một hình ảnh này, cho nên cả hai không có gì; dựa vào hình ảnh này, cho nên cả hai không phải là không có gì. Bởi vì tất cả là nghĩa về hình ảnh, nhất định phải dựa vào bên trong-bên ngoài mới có thể hiện bày được. 2) Dựa theo sắc chất, nghĩa là mặt ở phía Nam-hình ảnh phía Bắc, cho nên sắc chất bên trong không có gì; bởi vì như khuôn mặt mà hiện bày, cho nên sắc chất bên ngoài không có gì; cả hai-không cả hai, có thể biết. 3) Dựa theo mặt gương, nghĩa là trong mặt gương bằng sắt cứng dày không có nơi nào trống rỗng, không tiếp nhận vật gì, cho nên hình ảnh không phải là bên trong; hề muốn nhìn hình ảnh thì đều đứng trước gương mà nhìn, cho nên không phải là bên ngoài; cả hai-không cả hai, có thể biết. Như vậy không có gì mà hình ảnh rõ ràng, nghiệp như hình ảnh, tánh như mặt gương, cho nên nói là cũng như vậy. Khởi Tín luận nói: “Hai là nhờ vào mặt gương huân tập, nghĩa là tất cả cảnh giới thế gian đều hiện bày trong đó, không rakhông vào-không mất-không hoại, thường trú trong một tâm, bởi vì tất cả các pháp là tánh chân thật.” Là nói đến điều này.

Thứ hai trình bày về dụ không biết nhau làm thành nhân, nghĩa là Thức vốn có như thửa ruộng, các nghiệp như chủng tử, nhiều loại chủng tử cùng chung một Thức vốn có, cho nên tất cả không có tự Thể để có thể nhận biết nhau. Nhưng công năng của Thức không mất-không hoại mà có thể làm nhân, như đất sạch sẽ gặp được mưa thì mọc cỏ. Nhiều loại cỏ này ở trong đất ấy tìm tánh của từng loại đều không thể được mà có thể làm nhân, dù cho đào sâu xuống mặt đất mà đất đã lấy lên gặp được mưa thì mọc cỏ, hạt cỏ giống như đất tuy trải qua nhiều năm mà không mất; ở đây cũng như vậy. Kinh nói: “Nghiệp tuy trải qua trăm kiếp mà cuối cùng không có biến đổi hư hoại, lúc gặp các duyên hòa hợp thì phải nhận lấy quả ấy.” Vì vậy nói là tánh nghiệp cũng như vậy. Vả lại, đất và nước là duyên xa, hạt giống là duyên gần, tất cả đều làm mất đi có-không có, cho nên không nhận biết lẫn nhau, trong Thức dựa theo đây biết rõ.

Thứ ba là dụ về nhân có thể hiện rõ quả, nghĩa là tánh của nghiệp như huyễn sư, hiện rõ quả như huyễn sắc, tuy tựa như có mà không phải là có.

Thứ tư là dụ về pháp của quả không có ý niệm, nghĩa là do các nhân duyên như yết hầu... hòa hợp phát ra tiếng, thật sự không có công năng của Ngã, chỉ từ danh ngôn huân tập sinh ra tựa như lời nói; như người gõ phát ra tiếng không có hai ý niệm tự nghĩ rằng mình có thể phát ra tiếng và không phải là mình phát ra tiếng. Vả lại, gõ như Tạng tánh, người thợ như các nghiệp vọng tưởng, người gõ như tướng báo của chúng sinh, cho nên không có Ngã-không phải là Ngã.

Thứ năm là dụ về Thể của nhân không xen tạp, nghĩa là lúc chim còn trong vỏ trứng chưa phân rõ tướng của tiếng kêu, ra khỏi vỏ trứng tùy theo loại mới có tiếng kêu khác nhau. Chủng tử của khẩu nghiệp ở trong Thức vốn có tánh vô ký như nhau, không có bao nhiêu tướng, lúc báo chín muồi đến nơi thọ sinh có thể phát ra các tiếng. Vả lại, công năng sinh ra quả không giống nhau, như chim ra khỏi vỏ trứng; Thể tánh của nghiệp trống rỗng không có gì sai khác, như chim còn trong vỏ trứng. Đây chính là dụ về trước-sau, dựa theo pháp thì cùng lúc.

Thứ sáu là dụ về hiện rõ quả không có đến, nghĩa là như cha mẹ làm duyên thọ sinh, Thức có chủng tử như nghiệp-phiền não... làm nhân. Thức này lúc hòa hợp với trắng đỏ thì gọi là nhân duyên hội tụ, vì vậy gọi là thọ sinh. Không có nơi đến riêng biệt, tuy không có đến mà báo dần dần lớn thêm không trở ngại các căn khác nhau; nghiệp cũng như vậy, suy nghĩ-chuyển động tạo nghiệp như thân..., không có nơi đến riêng biệt, về sau nếu chín muồi thì cảm đến báo ứng sai biệt.

Thứ bảy là dụ về khổ báo không có gốc, nghĩa là bởi vì ác nghiệp huân tập trong tự tâm, vì vậy khiến cho tâm thay đổi làm ra đủ loại dụng cụ khổ đau, trở lại tự não hại đến mình. Nhưng dụng cụ khổ đau ấy tuy bên ngoài không có nơi đến, mà việc não hại không hư hoại; nghiệp cũng như vậy, tuy không có tự tánh mà cảm đến báo ứng không mất, cho nên nói là tánh của nghiệp cũng như vậy.

Thứ tám là dụ về quả thù thắng không có rễ, nghĩa là nghiệp thiện huân tập vào tâm, tâm huyễn hiện bày quả cũng không có gốc rễ. Tiểu thừa nói sau khi Luân Vương mất đi bảy vật báu cất giữ ở trong núi Thiết-vi, sau Thánh Vương xuất thế thì bảy vật báu trở lại hiện rõ trước mặt Thánh Vương. Nay ở đây thì không như vậy, chỉ do nghiệp huân tập trong tự tâm mà biến hiện, không có Thể của vật báu nào khác làm cho đến đi; tánh của nghiệp cũng như vậy, Luận nói: Thiện ác huân tập vào

tâm, vì sao nói tâm khác nhau?

Thứ chín là dụ về có-không có cùng tánh, nghĩa là nghiệp hữu lậu chưa đạt được quả và trước đạo đối trị, là Thức vốn có thâm nhiếp duy trì công năng không diệt đi, gọi là Thành; đến lúc đạt được quả và đạt được đạo đối trị, công năng của nghiệp không còn, gọi là Bại. Tìm lúc thành ấy không từ nơi nào đến, tìm lúc bại ấy cũng không có nơi hướng về, đây là hoàn toàn không làm hỏng thế gian mà nói Đệ nhất nghĩa.

4. Phật thuyết pháp thâm thâm: Một là trong chất vấn có hai, trước là đưa ra pháp chính thức chất vấn, sau là ngăn chặn cứu vãn tiếp tục chất vấn. Trong phần trước có hai: 1) Đưa ra nghĩa chính; 2) Chính thức đưa ra chất vấn, đó là mười loại trái ngược nhau, một pháp là một vị Chân như. Ý chất vấn rằng: Đã giác ngộ là một mà thiết lập nhiều loại giáo, nếu nghĩa không phải là một thì có thể làm cho tùy theo lời nói đều thật, tức là trái với một vị sẽ mất đi pháp đã chứng; nếu nghĩa là một vị mà không tùy theo lời nói, thì tất cả các giáo đều thuận theo hư vọng. Đây là chất vấn về giáo-nghĩa trái ngược nhau. Vị ấy nếu nói để cứu vãn rằng: Tôi nói trong lý một vị đã chứng này vốn có đủ nhiều đức, cho nên các giáo đều hiển bày một đức, do đó không trái ngược nhau. Vì ngăn chặn lời cứu vãn này cho nên tiếp tục chất vấn rằng: Nhưng mà ở trong pháp tánh, phân biệt suy xét tìm tòi nhiều loại như vậy thật sự không thể có được, không thể có được cho nên giáo đã trái với nghĩa. Lại giải thích: Đây là chất vấn về Thể-Dụng trái ngược nhau, nghĩa là giác ngộ một pháp là Thể, thích ứng với cơ hiện bày nhiều loại là Dụng. Nếu lấy Thể thuận theo Dụng thì sẽ trái làm mất đi một pháp, nếu Dụng giống như Thể thì các loại sẽ không thật. Nếu nói trong một pháp bởi vì có nhiều loại thì không trái ngược nhau, nhưng mà trong pháp tánh tìm cầu nhiều loại không thể có được, cho nên không thành cứu vãn.

Trong mười câu, một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt: 1) Âm thanh của giáo có khắp mọi nơi; 2) Lực của giáo thâm nhiếp chúng sinh; 3) Từng âm thanh sai biệt (ba loại trên đây là khẩu nghiệp); 4) Thân nghiệp; 5) Ý nghiệp; 6) Dụng của thân; 7) Ý báo; 8) Trang nghiêm quốc độ; 9) Phạm vi. Nếu nói đầy đủ thì thuận theo đầu mỗi một câu đều nói: Chỉ giác ngộ một pháp sao nói là vô lượng?

Hai là trong phần đáp, Đức Thủ đáp là bởi vì hiển bày về lý-đức sâu xa của pháp. Trong đó có hai: Đầu là một kệ khen ngợi thưa hỏi sơ lược trả lời. Ý trả lời rằng: Bởi vì pháp giới một vị là nghĩa không có phân biệt chứ không phải là một thuộc một số, vì vậy tùy duyên thành nhiều mà không khác với một vị, một vị trong suốt mà không trở ngại

nhiều loại. Hai điều này không có hai, vì vậy các giáo đều thật mà lý một vị tồn tại. Như vậy không ngăn ngại gì, cho nên gọi là nghĩa vi diệu thậm thâm. Lại giải thích: Một này không khác với nhiều, là Như Lai đã giác ngộ; nhiều không khác với một, là Như Lai đã thuyết giảng. Do đó một là vô cùng sâu xa, bởi vì không khác với nhiều; nhiều cũng như vậy, ngược lại với trên có thể biết, cho nên nói là nghĩa vi diệu thậm thâm. Người cầu công đức bởi vì biết một phát khởi nhiều có thể thấu nhiếp chúng sinh, mà cầu đạt được một pháp này; lại bởi vì biết nhiều quy về một có thể chứng được lý, mà cầu đạt được nhiều pháp này, cho nên gọi là người trí.

Sau là nửa kệ Đức Thủ tự hiển bày dựa theo pháp làm tên gọi. Trong này chín dụ đều hiển bày không thay đổi một, không có phân biệt mà thành tựu sự việc sai biệt: 1) Dụ trình bày về pháp có thể gánh vác vạn cơ; 2) Dụ về duyên diệt mọi phiền não; 3) Dụ về tiến vào pháp khí không có gì thay đổi, đó là như nghĩa lưu chuyển thù thắng trong pháp giới...; 4) Dụ về lay động các căn mở bày giác ngộ, đó là huân tập trở thành chủng tử, thường thường khiến cho chán ngán mong cầu; 5) Dụ về thuận theo mong muốn mà làm lợi ích, rộng như thân Phật, sấm như Phạm âm, mưa như Chánh giáo, bởi vì không có phân biệt cho nên không khác với một; 6) Dụ về duyên phát sinh các đức, đó là dựa vào pháp giới thanh tịnh thành tựu các hạnh về tu sinh...; 7) Dụ về không cấu nhiễm chiếu rọi căn cơ; 8) Dụ về ứng với căn cơ bất cứ ở đâu; 9) Dụ về tùy duyên bất biến. Các môn trên đây đều không khác với một, không có phân biệt mà hiển bày nhiều loại sự việc ích lợi, như Phạm ứng Đại thiên dụ về Phật thuyết vô lượng, thân không khác biệt dụ về một vị thường còn, các môn còn lại đều dựa theo như vậy.

5. Phước điền thậm thâm: Trong chất vấn, đầu là chính thức chất vấn, sau là ngăn chặn cứu vãn tiếp tục chất vấn. Trong ý chất vấn đã nói đức của Phật không khác biệt, thì lẽ ra thì thiết đạt được quả không khác, vì sao nay thấy đạt được báo sai biệt? Đây là chất vấn về duyên và quả trái ngược nhau. Sợ rằng vị ấy nói để cứu vãn: Ruộng phước của Phật tuy là một nhưng nếu người đối với Phật phát khởi cúng dường thượng diệu, thì Phật đối với người này sinh niệm thân ái, cho nên đạt được quả báo thù thắng; xấu tệ thì trái lại. Vì ngăn chặn lời cứu vãn này cho nên sau đó nói rằng: Như Lai bình đẳng không có oán thân. Đây là ba pháp về Niệm xứ.

Trong phần chính thức chất vấn, đầu là nêu ra nghĩa chính, sau là hiển bày về trái ngược nhau. Trong đó, câu đầu là tổng quát, mười câu

là riêng biệt giải thích về lời nói không giống nhau trong phần tổng quát trước đây: 1) Sắc tướng đẹp xấu; 2) Bốn giòng họ và năm chủng tánh... trong loài người; 3) Như bốn câu là người sang mà không phải là giàu, giàu mà không phải là sang...; 4) Các căn như Nhãn... đủ thiếu đẹp xấu và căn cơ lợi độn...; 5) Tài sản vàng bạc của cải...; 6) Bố thí đứng đầu có được tài vật rất kỳ lạ, như cây ĐỀ-già, vải bông trắng dùng đinh đóng vào đất bảy tấc mà không xuyên thủng...; 7) Quyển thuộc thiện ác...; 8) Đã đều nhún mình thực hành bố thí, thuận theo cùng được tự tại, ngày nay mới đến, hoặc là đối với một người được tự tại, những nơi khác không có được..., đều có phạm vi, lên xuống không giống nhau; 9) Phước đức nhiều ít; 10) Trí tuệ sâu cạn. Ngăn chặn cứu vãn có thể biết.

Trong phần đáp, Mục Thủ là người thấy rõ ràng pháp này. Ý đáp là bình thường cúng dường Phật bởi vì hai nhân: 1) Do người cúng dường dụng tâm không như nhau, liền khiến cho đạt được báo khác nhau rất nhiều, như kinh Ôn Thất nói: “Đều bởi vì dụng tâm không như nhau.” 2) Do tâm Đại Bi của Đức Phật không thể nghĩ bàn, cuối cùng đều khiến cho tất cả được giải thoát, kinh Đại Bi quyển thứ hai nói: “Dưới đến súc sinh có thể nghĩ đến Đức Phật, đều đạt được Niết-bàn tối thượng, cùng tận ranh giới phiền não, huống là con người...” Lại như tánh bậc thấp khởi lên lợi ích của thấy nghe..., vì vậy trong kệ nói bởi vì chúng sinh có khác nhau, là nghĩa đầu; có thể đốt cháy tất cả các cõi, là nghĩa sau.

Hai nghĩa này không hai, cùng một báo cho nên không trái ngược nhau. Dẫn ra mười dụ nêu rõ: 1) Dụ về duyên có thể hiện rõ quả; 2) Dụ về ứng với căn cơ tùy theo hiểu rõ; 3) Dụ về khéo léo tùy thuận; 4) Dụ về ứng với cơ cảm khiến cho vui mừng; 5) Dụ về vật cảm hiện rõ hình tướng; 6) Dụ về khéo léo trừ diệt chướng ngại mê hoặc; 7) Dụ về tiêu diệt chướng ngại do trí; 8) Dụ về tâm Bi phủ khắp mọi nơi; 9) Dụ về thường thường khiến cho sinh tâm chán ngán, nghĩa là không khiến cho vui thích lâu dài; 10) Dụ về đốt cháy tất cả, nghĩa là khiến cho đạt được Niết-bàn.

6. Chánh giáo thậm thâm: Trong chất vấn có ba: Một là nêu ra lực của giáo. Hai từ “Vị tri...” trở xuống là nêu ra lực của hành, trong đó mười pháp phân làm ba: a) Nhận biết toàn bộ năm uẩn; b) Nhận biết báo nhiễm tịnh của ba cõi khác nhau; c) Nhận biết si ái là duyên của báo. Ba từ “Nhược tri...” trở xuống là dùng hành để chất vấn về giáo, hiển bày giáo không có lực. Ý chất vấn là nhờ vào giáo pháp mà đoạn trừ phiền não, hay là nhờ vào thường xuyên quán sát các pháp mà đoạn

trừ phiền não? Nếu nhờ vào giáo có thể đoạn trừ thì không cần phải tinh tiến, nếu nhờ vào thường xuyên thực hành có thể đoạn trừ thì giáo không có thêm bớt, nghĩa là giáo pháp này đối với công đức không tăng thêm, đối với phiền não không giảm bớt. Lại giải thích đạt được giáo không tăng thêm, mất đi giáo không giảm bớt, bởi vì không có tác dụng. Đây là chất vấn về lực của giáo trái ngược nhau. Ý đáp bởi vì giáo là duyên của tinh tiến, thường xuyên quán sát giúp đỡ cho giáo mới có thể đoạn trừ phiền não, cho nên nhanh chóng thoát ra. Giáo có lực thù thắng, lười nhác trái với giáo thì không có lực của giáo, cho nên khó mà thoát ra. Người chất vấn dùng lực của hành làm mất đi lực của giáo, người đáp hiển bày về hành vốn là nhờ vào lực của giáo. Bởi vì thuận theo giáo lìa xa lười nhác, cho nên Tiến Thủ giải đáp điều này.

Trong kệ có ba: Một có một kệ khuyến khích lắng nghe tổng quát nói tách ra hai chương môn. Hai có một kệ phân rõ tinh tiến thuận với giáo để giải thích về môn nhanh chóng thoát ra. Ba có tám kệ trình bày lười nhác trái với giáo để giải thích về môn khó mà thoát ra: 1) Dụ về lười nhác nghe nhiều hiểu rộng, người này trước đã ít nghe hãy còn không có thể lĩnh ngộ, như đóm lửa nhỏ; nay lại gắng gượng cầu học rộng nghe nhiều, như củi còn ướt. Bởi vì mới cũ đều mất đi, cũng không có gì thành tựu ích lợi, vốn là vì lười nhác. Vả lại, người này muốn dùng chút ít thời gian nhanh chóng học hỏi nhiều pháp, sự học đã không thành tựu liền trở thành lười nhác. 2) Dụ về lười nhác không có năng lực, người này phước mỏng thiếu tâm lực, lại thường xuyên bỏ dở luyện tập, không có gì thành tựu vốn là vì lười nhác. Vả lại, người này tuy cũng trải qua nhiều thời gian nhưng thường xuyên gián đoạn, cho nên sự nghiệp không thành tựu gọi là lười nhác. 3) Dụ về lười nhác tu theo một phía, người này rời bỏ Thiện tri thức, chỉ đối với kinh điển cầu luyện tập về Văn tuệ, không có gì đạt được cho nên lười nhác. Vả lại, người này tuy không gián đoạn, nhưng thiếu duyên cho nên sự nghiệp cũng không thành tựu. 4) Dụ về lười nhác tu trái ngược, người này nghe nói viết chép trì tụng kinh điển thì chứng được giải thoát, bởi vì không nhận biết ý nghĩa-thời gian khác nhau, lâu mà không đạt được liền sinh ra lười nhác. Vả lại, người này tuy có ngoại duyên mà đều là người học sai lầm, tùy tiện giữ lấy mong cầu trái ngược, cho nên dao động rơi rụng. 5) Dụ về lười nhác vượt quá mong cầu, người này không tự biết mình không có Văn tuệ, chỉ mong mỏi thông hiểu tất cả Phật pháp, đã không có thể thông hiểu thì sinh ra lười nhác. Vả lại, người này tuy bên ngoài có duyên tốt mà nhân bên trong có thiếu hụt, nghĩa là không có

lòng tin, tự mình không có trì giới đầy đủ, không giữ chắc cung Định, không lấp mũi tên Trí, làm sao có thể bắn đến mặt đất phiền não. 6) Dụ về lưỡi nhác ít lực, người này dùng ý thức trong sát-na mà mong suy xét tận cùng biển sâu của Phật pháp, đã không có thể đi vào thì sinh ra lưỡi nhác. Vả lại, nghe xưng danh hiệu Phật một niệm diệt nhiều tội nặng, chỉ xưng niệm một câu thì ngừng mà nói rằng tội mình đã diệt... 7) Dụ về lưỡi nhác ít sửa trị, người này nghe Phật dạy có thể đập tắt lửa phiền não, thì dùng một chút nghe mà mong mỗi diệt hết phiền não, lâu mà không hết thì nói là Phật dạy không có tác dụng, tất cả đều vứt bỏ, vì vậy mà lưỡi nhác. 8) Dụ về không có ý mong cầu vượt ra, cũng gọi là dụ về chấp ngã mạn cao, người này nghe nói chúng sinh là Chân như, bởi vì không hiểu rõ mê-ngộ, cho nên nói rằng mình đã là Chân như thì chính là đã chứng được pháp giới, lại tu điều gì nữa, do đó sinh ra lưỡi nhác.

7. Chánh hạnh thậm thâm: Trong chất vấn có ba: Một, dẫn lời Đức Phật nói, nêu ra nghĩa chính. Hai, từ “Vấn hà...” trở xuống là thiết lập chất vấn hiển bày về trái ngược, trong đó đầu là câu tổng quát, tiếp theo tùy mười pháp cấu nhiệm là riêng biệt, luôn luôn hiện hành trong tâm cho nên không lìa xa tâm. Ba, tâm không có sở hành... là kết thúc chất vấn trở lại nêu ra, nghĩa là tuy nghe Chánh pháp nhưng không có tâm dựa vào thực hành mà muốn đoạn trừ phiền não, cho nên biết Đức Phật nói nghe pháp có thể đoạn trừ thì nghĩa ấy ở chỗ nào? Lại giải thích đây là ngăn chặn cứu vãn tiếp tục chất vấn, nghĩa là nếu nói cứu vãn rằng: Nếu dựa vào giáo thực hành thì có thể đoạn trừ phiền não, cho nên nghĩa về nghe pháp có thể đoạn trừ vẫn còn tồn tại. Nay tiếp tục chất vấn rằng: Đây là dựa vào giáo thực hành, tức là tâm có sự thực hành, sao có thể đoạn trừ phiền não? Nếu dựa vào đạo lý, thì phải là tâm không có sở hành mới có thể đoạn kết, cho nên nghe pháp rốt cuộc không có thể đoạn trừ. Ý đáp là tâm này không có sở hành gọi là như thuyết thực hành, cho nên có thể đoạn kết; nếu chỉ riêng nghe thì thật sự không có nghĩa về đoạn, có thể có nghe mà không thực hành, không hề có thực hành mà không nghe, cho nên nói tất cả Phật pháp lấy nghe pháp làm căn bản. Phần này và Chánh giáo thậm thâm trước đây có gì khác nhau? Trước dùng hành nêu ra chất vấn về giáo, đáp là lực của giáo thâm nhiếp hành, nghĩa là nếu không có giáo mà thường xuyên thực hành thì không thành tựu; trong này lấy giáo nêu ra chất vấn về hành, đáp là hành có thể thực hành theo giáo, nghĩa là nếu không thực hành thì đa văn không có tác dụng. Bởi vì chấp giáo thành hành, cho

nên Pháp Thủ giải đáp điều này.

Trong mười kệ: Một kệ đầu là khuyến khích lắng nghe tổng quát trả lời, không những tích góp đa văn là trình bày về đa văn không phải là sai lầm, mà chỉ vì thiếu thực hành cho nên trở thành sai lạc. Chín kệ sau là nêu ra dụ chỉ rõ sai lầm: 1) Dụ về không như thuyết thực hành; 2) Dụ về thuận theo thuyết bỏ suy nghĩ; 3) Dụ về chấp vào văn lạc mất hành; 4) Dụ về tự nói mình không có phần, cũng gọi là dụ về đấm vào văn lạc mất hành; 5) Dụ về ác nghiệp làm chướng ngại; 6) Dụ về không hiểu mà tự nói; 7) Dụ về không thấy tự nghĩa, nghĩa là trước dựa theo giáo, ở đây dựa theo nghĩa; 8) Dụ về bỏ chánh đạo thành trợ đạo, nghĩa là như Tỳ-kheo Ngưu Vương Mục tụng tám vạn pháp tự, luôn luôn độ nhiều ức chúng sinh đạt được đạo, mà chính mình không tránh khỏi rơi vào địa ngục...; 9) Dụ về giấu điều sai-khoe điều đúng, nghĩa là như Điều-đạt khéo léo nói pháp nhưng trong lòng rối bởi tối tăm, lại dựa vào cách nói này mà tự cao không yên phận, trái lại làm cho bị hại...

Hỏi: Vì sao trong này quở trách đa văn, trong phẩm Thập Trụ lại khen ngợi đa văn?

Đáp: Bởi vì trong Tín thì hành kém cõi, sợ rằng vương mắc theo văn, lại ban đầu là nghe huân tập khiến cho thành tựu nhất tâm lắng nghe không trái ngược, từ Thập Trụ trở đi vốn là hành thù thắng, vốn là không vương mắc, vốn là có thể làm lợi ích nhiều cho chúng sinh.

8. Trợ đạo thâm thâm: Trong chất vấn có ba: Một, nêu ra nghĩa chính. Hai, từ “Hà cố...” trở xuống là thiết lập chất vấn hiển bày về trái ngược, trong đó sáu Độ-bốn Đẳng là mười, đây là dựa theo hành mà phân rõ, nếu dựa theo phần vị mà luận thì thêm bốn loại như Phương tiện... là mười, trong này Bát-nhã phải là Tuệ thế gian thâm nhiếp, bởi vì không như vậy thì không phải là chất vấn. Ba, từ “Thử nhất nhất pháp...” trở xuống là kết thúc chất vấn trở lại đưa ra. Ý chất vấn rằng: Trí tuệ là đứng đầu của các hành, sao không ca ngợi riêng hành này mà ca ngợi những hành khác; những hành khác lìa xa Tuệ đều không đạt được Bồ-đề, đâu cần phải ca ngợi? Đây tức là lấy trợ đạo nêu ra chánh đạo để chất vấn. Ý đáp là dùng chánh đạo-trợ đạo giúp đỡ nhau mà đáp. Bởi vì có thể hiểu trợ đạo giống như chánh đạo, cho nên Trí Thủ giải đáp điều này.

Trong mười kệ phân ba: Một, một kệ khen ngợi thưa hỏi khuyến khích lắng nghe. Hai, hai kệ tách ra hai chương môn, đó là kệ đầu trình bày về quả không phải là do một hành mà thành tựu, chánh đạo cần phải có trợ đạo giúp đỡ; kệ sau trình bày về ý thích của chúng sinh

khác nhau, tùy theo căn cơ cho nên ca ngợi khác nhau. Ba, giải thích hai chương, ba kệ đầu giải thích về tùy theo căn cơ ca ngợi khác nhau, lại trong kinh Niết-bàn nói ở trước những người keo kiệt không cần phải ca ngợi những người bố thí, là dựa vào căn chưa thuần thực, bởi vì mong muốn bảo vệ, văn này dựa vào căn thuần thực, còn lại cũng như vậy; bốn kệ sau dựa theo pháp dụ, giải thích về chương môn đầu chờ đợi theo nhau, bố thí là thâu nhiếp người khác, trì giới là tự thâu nhiếp mình, hai loại này cùng làm căn bản của các hành, thiện căn đã tu thì chịu khó phòng ngừa không mất, thiện căn chưa sinh thì thúc đẩy khiến cho sinh khởi. Lại chịu khó phòng ngừa phiền não bên ngoài, thúc đẩy phòng ngừa ngạo mạn bên trong, cho nên nói là phòng hộ. Thiền định chế phục loại trừ, trí tuệ mong cầu đoạn dứt, cho nên nói là an ổn. Và lại, Thiền thâu nhiếp phân tán bên ngoài, Tuệ chứng được chân lý, cho nên nói là an ổn; bốn Đẳng lợi ích chúng sinh vui vẻ hợp với ý mình, cho nên nói là an lạc.

9. Nhất thừa thậm thâm: Trong chất vấn có ba: Một là nêu ra nghĩa chính, hai là thiết lập chất vấn hiển bày về trái ngược, ba là kết thúc chất vấn trở lại đưa ra. Ý chất vấn rằng: Hết thấy chư Phật cùng tu Nhất thừa, nhân hạnh đã giống nhau, đạt được quả lẽ ra như nhau, vì sao nay thấy thế giới của chư Phật đủ loại khác nhau, cho đến mười loại pháp trú, như vậy tất cả đều không giống nhau, không có gì không đầy đủ, tất cả Phật pháp sai biệt như vậy mà nói là chỉ dùng Nhất thừa, lý ấy ở đâu? Đây là dùng nhân đưa ra quả để chất vấn, nghĩa là nhân giống nhau thì quả cũng giống nhau; cũng là dùng quả đưa ra nhân để chất vấn, nghĩa là quả khác nhau thì nhân cũng khác nhau. Ý đáp rằng lý thật thì nhân giống như quả không có gì sai biệt, nhưng tùy theo chúng sinh cơ cảm mà thấy sai biệt, không phải là chư Phật tự có hơn-kém. Bởi vì trình bày thông hiểu Nhất thừa thuận theo tướng, cho nên Hiền Thủ giải đáp điều này.

Trong mười kệ phân hai: Một, có hai kệ dựa vào thật để trình bày về nhân quả cùng là một, trình bày chỉ riêng Nhất thừa được thoát ra ở phần trên. Trong đó, trước là một nhân, sau là một quả. Trong nhân, nửa kệ đầu trình bày về một pháp tánh đã dựa vào, nửa kệ sau trình bày về một hành tu có thể dựa vào. Trong quả, nửa kệ đầu là một Pháp thân đã chứng, nửa kệ sau là một Đức thù thắng thuộc tu sinh, trong đó tâm là Đại Định như nhau, tiếp là Đại Trí như nhau, hai loại này là Dụng bên trong giống nhau, Lực-Vô úy... là Dụng giáo hóa bên ngoài như nhau. Luận chung có ba: Đầu là Thể giống nhau, tiếp là Đức như nhau,

sau là Dụng bằng nhau. Hai, có tám kệ trình bày về dùng Thể thuận theo duyên hiện có nhiều loại, trình bày thế giới... không giống nhau ở phần trên, là tùy theo căn cơ thấy khác nhau chứ không phải là Phật có sai khác. Vì vậy lần lượt chuyển tiếp giải thích về nghi ngờ, trong đó: Kệ một trình bày về Phật tùy theo căn cơ thị hiện sai biệt. Kệ hai nghi ngờ tại sao thị hiện khác nhau? Giải thích bởi vì nghiệp của chúng sinh khác nhau cho nên thấy sai biệt. Kệ ba nghi ngờ vì sao có thể biết chúng sinh chỉ dựa vào nghiệp của mình mà thấy khác nhau? Giải thích bởi vì chúng sinh đã không thấy nhiều Pháp thân của chư Phật, biết rõ ràng là chỉ thấy tự tâm đã hiện bày sai biệt, không phải là Thể của Phật có như vậy. Đây là trình bày về thân-độ của Báo Phật, Địa tiền và Nhị thừa đều không có thể thấy được. Kệ bốn nghi ngờ Chân Phật bình đẳng mà chúng sinh không thấy, thì ai có thể thấy được? Giải thích là những người có công hạnh rộng lớn thanh tịnh... thì có thể thấy, đây là trình bày về Bồ-tát Địa thượng thấy thân-độ Thật Báo. Kệ năm nghi ngờ chúng sinh Địa tiền đã không có thể thấy, do đâu có thể tiến vào Chân? Giải thích bởi vì Phật lực tự tại đều khiến cho thấy từng phần, sau trở lại khiến cho tiến vào. Kệ sáu nghi ngờ Phật lực đã tự tại, vì sao không khiến cho chúng sinh thấy cùng một loại? Giải thích là Phật không có yêu ghét, chúng sinh dựa vào tự tâm cho nên thấy sai biệt. Kệ bảy nghi ngờ rằng nay mình đang thấy Phật tự nhiên sai biệt, lẽ nào liên quan đến tâm mình, vì vậy lỗi sai biệt thuộc về Phật? Giải thích rằng nếu không chỉ riêng tâm ông thì có thể trách móc như vậy, đã thật là tự tâm ông biến hiện cho nên không phải là lỗi của Phật. Kệ tám nghi ngờ rằng nếu Phật không tự có thị hiện sai biệt, thì vì sao có người thường thấy, có người không thấy...? Giải thích rằng tâm khí thanh tịnh thì tự tâm cảm đến mà thấy, bởi vì Phật là tâm pháp như vậy.

10. Cảnh giới Phật thậm thâm, trên đây là Văn Thù hỏi nhiều người, nay nhiều người hỏi Văn Thù, vốn là chủ-bạn làm sáng tỏ lẫn nhau. Trên đây luận về pháp khác, những Bồ-tát khác nói, nay phân rõ về cảnh giới Phật, cùng nhau thưa thỉnh Văn Thù là bởi vì thành Phật đã lâu hiển bày về trí sâu xa. Vả lại, Văn Thù hỏi đều dùng lý trở lại đưa ra trái ngược nhau để kết thúc chất vấn, nay chỉ thưa thỉnh không dám chất vấn là bởi vì hiển bày tôn quý-bậc trên-đứng đầu chúng. Lại cảnh giới Phật này gồm chung hai loại: Một là cảnh đã chứng, đó là Chân-Tục... Hai là phạm vi của cảnh, đó là theo Tiểu thừa thì từ ba mươi bốn tâm trở đi là cảnh giới Phật, nếu theo Tam thừa thì Thập Địa đầy đủ về sau là cảnh giới Phật, nếu theo Nhất thừa thì Thập Tín đầy đủ về sau

là cảnh giới Phật, như vậy chính là phân rõ thuộc về trong Tín. Vả lại, Tam thừa... không gồm chung phần vị của nhân, Nhất thừa thì nhân quả giống nhau, cũng là cảnh giới Phổ Hiền; nghĩa còn lại như phẩm Tánh Khởi nói.

Trong văn có hai, trước là hỏi-sau là đáp. Trong hỏi có bốn: Một là tổng quát nói cho biết, hai là kết luận về điều đã nói, ba là ca ngợi Văn Thù, bốn là chính thức bày tỏ thừa thỉnh. Có mười một câu, hai câu đầu hỏi về Thể của đức Tự lợi, năm câu tiếp hỏi về Dụng của đức Lợi tha, ba câu tiếp hỏi về đã làm lợi ích cho chúng sinh, một câu sau cuối kết luận về sự rộng lớn ấy. Vả lại, một câu đầu là tổng quát về Thể của quả. Hai là lấy nhân thành tựu quả, hỏi về Thể của nhân đã chứng cảnh. Ba là nơi tiến vào, đó là nhân tròn vẹn-quả đầy đủ, nhờ đó giáo hóa khắp nơi tiến vào thế gian... Bốn là đã hóa độ, đó là tiến vào thế gian phân rõ về chúng sinh đã hóa độ. Năm là phân rõ về trí nhận biết phương pháp hóa độ chúng sinh, đó là trí nhận biết pháp môn pháp giới. Sáu là thuốc pháp đã đưa ra. Bảy là thuận theo cơ sai biệt mà nói. Tám là trình bày về cơ tiến vào pháp, đó là không phải sự nhận biết của Thức nhiễm ô. Chín là đã không phải cảnh của Thức nhiễm ô, làm sao khiến cho có thể biết? Mười là đã có thể biết rồi soi chiếu trừ diệt pháp nào? Lại giải thích ba câu hỏi này khiến cho chúng sinh đã được hóa độ như thứ tự đạt được lợi ích của ba Tuệ, nên biết. Mười một là tổng quát kết luận về cảnh Phật rộng khắp ở nơi nào?

Trong đáp, một kệ thứ tám trong mười kệ đáp hai câu hỏi tám-chín, kệ còn lại theo thứ tự đáp chín câu hỏi còn lại.

Kệ một đáp về Cảnh giới, nửa kệ trước đưa ra pháp đã tiến vào, phần này gồm chung hai nghĩa, một như nhau (tề) là ngang nhau (đẳng), nghĩa là ngang nhau với hư không, tức là Chân như làm cảnh sở duyên; hai như nhau là phạm vi, nghĩa là phạm vi từ pháp tánh Chân Không trở đi là cảnh Phật; lại câu trước là sâu, câu sau là rộng. Nửa kệ sau trình bày về chúng sinh chứng nhập. Nói không có gì tiến vào (vô sở nhập), bởi vì chúng sinh tức là Pháp thân cho nên không có trở lại tiến vào; như thường ở trong hư không, lẽ nào có thể lại nói là tiến vào hư không?

Kệ hai đáp về Nhân, một là nhân thuộc phần khác chỉ riêng Phật mới có thể phân biệt được; hai là nhân thuộc phần mình nói không hết, bởi vì tu trải qua nhiều kiếp, lại bởi vì nhiều cho nên nói không hết, như Phật cho nên chỉ có Phật mới có thể phân biệt. Chỉ có Phật mới có thể phân biệt là hiển bày về sâu thẳm, nói không hết là rộng lớn, đương nhiên những điều khác ngoài Đức Phật ra thì người khác nói không có

thể hết được.

Kệ ba đáp về Nhập, nửa kệ trước trình bày về tùy duyên, nửa kệ sau trình bày về bất biến, nghĩa là vắng lặng mà thường sử dụng cho nên hòa vào khắp nơi; sử dụng mà thường vắng lặng cho nên vắng lặng vô cùng. Hòa mà không giống nhau, cho nên nói không giống như thế gian đã nhìn thấy, chính là bởi vì có thể hòa vào cho nên không giống nhau.

Kệ bốn đáp về Độ, nghĩa là hòa vào trong thế gian làm việc như thế nào, đó là hóa độ chúng sinh, nửa kệ trước nêu ra chúng sinh hóa độ, nửa kệ sau trình bày về số lượng hóa độ.

Kệ năm đáp về trí nhận biết phương pháp hóa độ chúng sinh, nửa kệ trước là chủ động nhận biết, nửa kệ sau là thụ động nhận biết.

Kệ sáu đáp về thuốc pháp, nghĩa là câu đầu trình bày về Thể của pháp, câu tiếp là Dụng của pháp, nửa kệ sau trình bày về Dụng không khác Thể, cho nên chỉ riêng Đức Phật nhận biết. Phân biệt đầy đủ có hai: Một, bởi vì không khác với pháp giới, tùy theo cơ nhiều mà nói nhiều, cho nên khó mà nhận biết, nếu phân biệt đầy đủ thì chỉ riêng Đức Phật nhận biết. Hai, ở đây nói nhiều bởi vì không có sai khác, không có sai khác thì nói nhiều, như vậy đều không làm hỏng hai môn, không ngăn ngại tức là một, điều này khó mà phân tích, nếu muốn phân tích đầy đủ thì chỉ riêng Đức Phật mới có thể nhận biết.

Kệ bảy đáp về trí nhận biết âm thuyết pháp, nửa kệ trước là thụ động nhận biết, nửa kệ sau là chủ động nhận biết, nghĩa là tuy biết rõ ràng âm thanh ngôn ngữ của chúng sinh dùng để thuyết pháp, nhưng thường không có đưa ra cho nên không có phân biệt.

Trong kệ tám đáp về Thức có hai câu, câu đầu không thể bàn nói cho nên bật dứt con đường nói năng (ngôn ngữ đạo đoạn), không phải là do Nhĩ thức... mà nhận biết; câu sau không thể suy nghĩ cho nên không còn nơi hoạt động của tâm (tâm hành xứ diệt), không phải là sự suy nghĩ của tâm. Lại không phải là Thức nhiễm ô cũng không phải là Tâm nhiễm ô, như kinh Lăng Già nói: “Giữ lấy tướng gọi là Thức, không giữ lấy tướng gọi là Trí, cho nên trong bốn nươg tựa (tứ y) không khiến nươg tựa vào Thức.

Trong kệ chín đáp về quyết định biết có hai câu: Câu đầu nêu ra pháp, nghĩa là pháp Như Lai Tạng tự tánh thanh tịnh; câu sau nêu rõ khiến cho quyết định biết.

Trong kệ mười đáp về soi chiếu, nửa kệ trước soi chiếu diệt trừ phiền não chướng, chứng được Niết-bàn tịch diệt; nửa kệ sau soi chiếu

diệt trừ sở tri chương, đạt được Bồ-đề bình đẳng hành thế gian. Vả lại, vô minh là không có năng lực soi chiếu, vô sở hành là không có sự soi chiếu, bình đẳng hành thế gian là không còn chủ động và thụ động mà soi chiếu cho nên nói là bình đẳng hành. Hành giống như soi chiếu.

Trong kệ mười một đáp về mở rộng, nửa kệ trước là đã nhận biết rộng rãi, nửa kệ sau là có thể nhận biết rộng rãi.

Thứ hai là kết luận gồm chung nhìn thấy khắp nơi, trình bày đây là tất cả mọi nơi mà Văn Thù cùng tất cả mọi nơi mà Giác Thủ... thuyết pháp. Phẩm trước ánh sáng soi chiếu khiến cho nhìn thấy chúng hội, trong phẩm này Phật lực khiến cho Đại chúng trông thấy pháp sự đã nói, đó là nhân quả. Văn có ba: Một là phân rõ về cõi này, hai là hiển bày về phương Đông, ba là tương tự chín phương. Trong phần một có ba: 1) Trình bày về Đức Phật gia hộ Đại chúng, 2) Trình bày về mười sự việc đã trông thấy, 3) Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận.

Trong mười sự việc, năm sự việc trước là nhân: a) Thực hành theo pháp chuẩn mực, b) Dựa vào pháp thành tựu thực hành, c) Thực hành không phải là xuất thế, d) Dựa vào thân... phát khởi thực hành, e) Tùy theo căn mong muốn ưa thích mà dấy lên hành nghiệp.

Trong năm sự việc sau là quả: a) Tổng quát, b) Y báo, c) Duy trì và phá bỏ trong Chánh báo, d) Thuyết pháp trong Chánh báo, e) Tổng quát kết luận. Lại giải thích: Một sự việc đầu là hành pháp Lục độ do Trí Thủ đã nói; hai là nghĩa về tánh của nghiệp do Bảo Thủ đã nói; ba là nghĩa về lười nhác khó thoát ra do Tiến Thủ đã nói, cũng là lỗi lầm đa văn... do Pháp Thủ đã nói; bốn là nghĩa về tùy thân-tùy hạnh giáo hóa do Tài Thủ đã nói; năm là Phật pháp một vị tùy theo căn cơ phân ra thành nhiều do Đức Thủ đã nói, cũng là một nhân tùy theo nhiều duyên... do Mục Thủ đã nói; sáu-bảy-tám là tâm tánh tùy duyên quả báo không giống nhau... do Giác Thủ đã nói; chín-mười là Hiền Thủ nói về Nhất thừa, Văn Thù nói về cảnh Phật có thể biết. Trong tương tự các phương khác, chính là phẩm Quang Minh Giác trước đây đã phân rõ.
